BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Biểu mẫu 17.**

**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Quy Nhơn,**

**năm học 2018-2019**

| **Stt** | **Tên ngành đào tạo** | **Mã số** | | | **Trang** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đại học** | **Thạc sĩ** | **Tiến sĩ** |
| 1 | Quản lý giáo dục | 7140114 | 8140114 |  | 5 |
| 2 | Giáo dục Mầm non | 7140201 |  |  | 9 |
| 3 | Giáo dục Tiểu học | 7140202 |  |  | 11 |
| 4 | Giáo dục Chính trị | 7140205 |  |  | 13 |
| 5 | Giáo dục Thể chất | 7140206 |  |  | 16 |
| 6 | Sư phạm Toán học | 7140209 |  |  | 19 |
| 7 | Sư phạm Tin học | 7140210 |  |  | 22 |
| 8 | Sư phạm Vật lý | 7140211 |  |  | 24 |
| 9 | Sư phạm Hoá học | 7140212 |  |  | 27 |
| 10 | Sư phạm Sinh học | 7140213 |  |  | 30 |
| 11 | Sư phạm Ngữ văn | 7140217 |  |  | 32 |
| 12 | Sư phạm Lịch sử | 7140218 |  |  | 34 |
| 13 | Sư phạm Địa lý | 7140219 |  |  | 37 |
| 14 | Sư phạm Tiếng Anh | 7140231 |  |  | 39 |
| 15 | Ngôn ngữ Anh | 7220201 | 8220201 |  | 43 |
| 16 | Lịch sử | 7229010 |  |  | 47 |
| 17 | Văn học | 7229030 |  |  | 50 |
| 18 | Kinh tế | 7310101 |  |  | 52 |
| 19 | Quản lý nhà nước | 7310205 |  |  | 55 |
| 20 | Tâm lý học giáo dục | 7310403 |  |  | 58 |
| 21 | Đông phương học | 7310608 |  |  | 60 |
| 22 | Việt Nam học | 7310630 |  |  | 63 |
| 23 | Quản trị kinh doanh | 7340101 |  |  | 66 |
| 24 | Tài chính – Ngân hàng | 7340201 |  |  | 74 |
| 25 | Kế toán | 7340301 | 8340301 |  | 82 |
| 26 | Luật | 7380101 |  |  | 87 |
| 27 | Sinh học ứng dụng | 7420203 |  |  | 90 |
| 28 | Vật lý học | 7440102 |  |  | 92 |
| 29 | Hoá học | 7440112 |  |  | 96 |
| 30 | Địa lý tự nhiên | 7440217 | 8440217 |  | 98 |
| 31 | Toán học | 7460101 |  |  | 102 |
| 32 | Công nghệ thông tin | 7480201 |  |  | 104 |
| 33 | Công nghệ kỹ thuật xây dựng | 7510103 |  |  | 107 |
| 34 | Công nghệ Kỹ thuật Hóa học | 7510401 |  |  | 109 |
| 35 | Kỹ thuật điện | 7520201 | 8520201 |  | 112 |
| 36 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông | 7520207 |  |  | 115 |
| 37 | Nông học | 7620109 |  |  | 118 |
| 38 | Công tác xã hội | 7760101 |  |  | 120 |
| 39 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 7810103 |  |  | 123 |
| 40 | Quản trị khách sạn | 7810201 |  |  | 127 |
| 41 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 7850101 |  |  | 131 |
| 42 | Quản lý đất đai | 7850103 |  |  | 133 |
| 43 | Văn học Việt Nam |  | 8220121 |  | 137 |
| 44 | Lịch sử Việt Nam |  | 8229013 |  | 139 |
| 45 | Ngôn ngữ học |  | 8229020 |  | 141 |
| 46 | Sinh học thực nghiệm |  | 8420114 |  | 143 |
| 47 | Vật lý chất rắn |  | 8440104 |  | 144 |
| 48 | Hóa vô cơ |  | 8440113 |  | 146 |
| 49 | Hóa Lý thuyết và Hóa lý |  | 8440119 | 9440119 | 149 |
| 50 | Toán giải tích |  | 8460102 | 9460102 | 152 |
| 51 | Đại số và Lý thuyết số |  | 8460104 | 9460104 | 155 |
| 52 | Phương pháp Toán sơ cấp |  | 8460113 |  | 158 |
| 53 | Khoa học máy tính |  | 8480101 |  | 160 |
| 54 | Kỹ thuật viễn thông |  | 8520208 |  | 162 |
|  |  |  |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Quản lý giáo dục (MS: 7140114, 8140114)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | - Tốt nghiệp Đại học ngành Quản lý giáo dục;  - Tốt nghiệp đại học các ngành khác đã qua chương trình chuyển đổi. | Tốt nghiệp THPT. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | 1. *Về kiến thức:*   Có trình độ chuyên môn vững vàng, nắm vững những tri thức cơ bản về quản lý và quản lý giáo dục, cập nhật được những vấn đề mới trong quản lý giáo dục.  *b) Về kỹ năng:*  Có đủ năng lực vận dụng những tri thức đã học vào thực tiễn công tác quản lý, có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục. Đối với học viên là những nhà quản lý, sau khi được đào tạo và tốt nghiệp trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục, với trình độ cao về chuyên môn sẽ giữ vai trò tích cực và chủ chốt trong công tác quản lý đơn vị của mình, có khả năng tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục và đào tạo.  *c) Về thái độ, phẩm chất đạo đức:*  Có thái độ đúng đắn trong công tác quản lý, tiếp cận các vấn đề quản lý giáo dục một cách khoa học, có thái độ nghiêm túc trong việc tiếp tục nâng cao trình độ quản lý trong quá trình công tác sau khi tốt nghiệp.  *d) Về trình độ ngoại ngữ:*  - Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức tương đương cấp độ B1 của Khung Châu Âu Chung hoặc bậc 3/6 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. | *a. Về kiến thức*  - Có kiến thức cơ bản về giáo dục, hiểu biết về các hoạt động giáo dục trong các môi trường, đặc biệt là trong các nhà trường.  - Nắm vững các kiến thức cơ bản về quản lý nói chung và quản lý giáo dục nói riêng.  - Nắm vững những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục.  *b. Về kỹ năng:*  - Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và nghiên cứu chuyên ngành.  - Bước đầu có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu các tài liệu tham khảo chuyên ngành.  - Có năng lực vận dụng kiến thức vào công tác quản lý giáo dục ở các cơ sở văn hoá - giáo dục, các tổ chức kinh tế - xã hội.  *c. Về thái độ, phẩm chất đạo đức*  - Có phẩm chất cơ bản của người cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo dục trong nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  - Yêu nghề và có trách nhiệm cao với nghề nghiệp;  - Có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo dục.  - Có tinh thần học tập, không ngừng nâng cao trình độ khoa học và nghiệp vụ quản lý giáo dục.  *d. Trình độ ngoại ngữ:*  Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt trình độ Tiếng Anh: Bậc 3/6 trên khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | * Hoạt động ngoại khóa * Hoạt động xã hội * Hoạt động đoàn thể | * Hoạt động ngoại khóa * Hoạt động xã hội * Hoạt động đoàn thể * Thực tập, thực tế theo chương trình đào tạo. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý Giáo dục hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý Giáo dục hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ tiến sĩ. | Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ. |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  | - Là chuyên viên quản lý trong bộ máy quản lý giáo dục các cấp  - Là chuyên viên quản lý tại các cơ sở giáo dục: các nhà trường, các trung tâm giáo dục. các tổ chức dịch vụ giáo dục.  - Là chuyên viên phụ trách công tác văn hóa - giáo dục trong các cơ quan, chính quyền các cấp (Cơ quan trung ương, tỉnh, huyện, xã) và các tổ chức văn hóa - giáo dục ở cộng đồng.  - Là cán bộ nghiên cứu trong các cơ quan nghiên cứu về quản lý giáo dục (Các Viện nghiên cứu, các Trung tâm nghiên cứu của các trường đại học, cao đẳng…).  - Là giảng viên chuyên ngành quản lý giáo dục trong các cơ sở đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục (Các học viện quản lý giáo dục, trường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục cấp tỉnh, thành phố, các khoa/tổ bộ môn quản lý giáo dục trong trường đại học và cao đẳng). | - Là chuyên viên quản lý trong bộ máy quản lý giáo dục các cấp  - Là chuyên viên quản lý tại các cơ sở giáo dục: các nhà trường, các trung tâm giáo dục. các tổ chức dịch vụ giáo dục.  - Là chuyên viên phụ trách công tác văn hóa - giáo dục trong các cơ quan, chính quyền các cấp (Cơ quan trung ương, tỉnh, huyện, xã) và các tổ chức văn hóa - giáo dục ở cộng đồng.  - Là cán bộ nghiên cứu trong các cơ quan nghiên cứu về quản lý giáo dục (Các Viện nghiên cứu, các Trung tâm nghiên cứu của các trường đại học, cao đẳng…).  - Là giảng viên chuyên ngành quản lý giáo dục trong các cơ sở đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục (Các học viện quản lý giáo dục, trường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục cấp tỉnh, thành phố, các khoa/tổ bộ môn quản lý giáo dục trong trường đại học và cao đẳng). |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Giáo dục Mầm non (MS: 7140201)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương.  - Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển.  - Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | **- Kiến thức:**  + Nắm vững các nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng CSVN và Tư tưởng Hồ Chí Minh.  + Hiểu biết sâu kiến thức về tâm lí học, giáo dục học mầm non.  + Hiểu biết có hệ thống và chiều sâu về kiến thức cơ sở và chuyên ngành giáo dục mầm non (*PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ, Làm quen văn học, Làm quen biểu tượng toán, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tạo hình, Dinh dưỡng*...).  **- Kĩ năng:**  + Biết xây dựng kế hoạch dạy học.  + Năng động, sáng tạo trong việc thiết kế bài dạy; sử dụng tốt các phần mềm để soạn giảng Microsoft Powerpoint, Violet...  + Thuần thục các thao tác lên lớp.  + Có kĩ năng đánh giá tốt mức độ phát triển của trẻ mầm non.  **- Trình độ ngoại ngữ:**  + Đối với khóa 38 trở về trước: Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ Tiếng Anh bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR).  + Đối với khóa 39 trở về sau: Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ Tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Tổ chức sinh hoạt chính trị, các phong trào văn nghệ, thể thao và hội thi nghiệp vụ sư phạm...  - Tư vấn về kĩ năng giao tiếp, ứng xử; kĩ năng làm việc nhóm; chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai...  - Tham gia tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ dành cho sinh viên. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Sinh viên sau khi ra trường có thể học nâng cao tiếp theo về chuyên ngành GDMN hoặc chuyên ngành Quản lý Nhà nước. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Giáo viên giảng dạy tại các trường Mầm non.  - Chuyên viên Phòng/Sở Giáo dục – Đào tạo. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Giáo dục Tiểu học (MS: 7140202)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương.  - Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển.  - Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | **- Kiến thức:**  + Nắm vững các nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng CSVN và Tư tưởng Hồ Chí Minh.  + Hiểu biết sâu kiến thức về tâm lí học, giáo dục học mầm non.  + Hiểu biết có hệ thống và chiều sâu về kiến thức cơ sở và chuyên ngành giáo dục mầm non (*PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ, Làm quen văn học, Làm quen biểu tượng toán, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tạo hình, Dinh dưỡng*...).  **- Kĩ năng:**  + Biết xây dựng kế hoạch dạy học.  + Năng động, sáng tạo trong việc thiết kế bài dạy; sử dụng tốt các phần mềm để soạn giảng Microsoft Powerpoint, Violet...  + Thuần thục các thao tác lên lớp.  + Có kĩ năng đánh giá tốt mức độ phát triển của trẻ mầm non.  **- Trình độ ngoại ngữ:**  + Đối với khóa 38 trở về trước: Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ Tiếng Anh bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR).  + Đối với khóa 39 trở về sau: Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ Tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Tổ chức sinh hoạt chính trị, các phong trào văn nghệ, thể thao và hội thi nghiệp vụ sư phạm...  - Tư vấn về kĩ năng giao tiếp, ứng xử; kĩ năng làm việc nhóm; chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai...  - Tham gia tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ dành cho sinh viên. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục tiểu học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Sinh viên sau khi ra trường có thể học nâng cao tiếp theo về chuyên ngành GDMN hoặc chuyên ngành Quản lý Nhà nước. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Giáo viên giảng dạy tại các trường Mầm non.  - Chuyên viên Phòng/Sở Giáo dục – Đào tạo. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Giáo dục chính trị (MS: 7140205)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Tuyển sinh theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - *Kiến thức*:  + Nắm vững kiến thức cơ bản, chuyên sâu, có hệ thống và có khả năng vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính trị, pháp luật, đạo đức… trong tu dưỡng, hoàn thiện bản thân và trong quá trình nghiên cứu, học tập, dạy học, làm việc;  + Có kiến thức cơ bản và khả năng vận dụng kiến thức các môn khoa học xã hội – nhân văn, lịch sử, địa lý, tâm lý, giáo dục…trong hoạt động nghề nghiệp;  + Hiểu và biết vận dụng kiến thức về phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu tự học, tự nghiên cứu;  + Có hiểu biết chung về kiến thức quốc phòng, an ninh, giáo dục thể chất để đáp ứng yêu cầu làm việc và hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.  - *Kỹ năng*:  + Có khả năng lập luận khoa học, xác định đối tượng, giải quyết vấn đề trong nghiên cứu, giảng dạy giáo dục chính trị, giáo dục công dân và lý luận chính trị;  + Có năng lực thực hành, kỹ năng xử lý tình huống trong dạy học giáo dục chính trị, giáo dục công dân ở trường trung học, trung cấp chuyên nghiệp, ĐH, CĐ;  + Có kỹ năng tiếp cận, cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động dạy học, nghiên cứu. Có khả năng tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và hoạt động nghề nghiệp;  + Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, linh hoạt giải quyết các vấn đề nãy sinh trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp;  + Có khả năng giao tiếp, hội nhập, thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc, các mối quan hệ xã hội khác nhau.  - *Trình độ ngoại ngữ:* đạt trình độ tiếng Anh bậc 2/6 (theo khung năng lực tiếng Anh 6 bậc cho người Việt); có thể đọc và hiểu được các ý chính trong các chủ đề quen thuộc trên lĩnh vực lý luận chính trị và dạy học chính trị - giáo dục công dân. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet và cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu.  - Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ sinh viên đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện.  - Có đội ngũ cố vấn học tập.  - Có các hoạt động kiến tập, thực tập, thực tế chuyên môn. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục chính trị hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Học cao học, tiến sĩ chuyên ngành Giáo dục chính trị, các chuyên ngành như cao học Chính trị học, cao học chuyên ngành triết học, Kinh tế học hay Kinh tế chính trị |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục công dân, Đạo đức ở các trường THPT, THCS; Giáo viên giảng dạy môn Chính trị ở các trường trung cấp, chuyên nghiệp, hướng nghiệp, dạy nghề;  - Giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị ở các trường ĐH, CĐ (khi được đào tạo ở các bậc học cao hơn);  - Viên chức làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Giáo dục thể chất** **(MS: 7140206)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | * ***Kiến thức:***   + Trang bị cho sinh viên nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thể dục thể thao trong trường học; vị trí, vai trò của thể dục thể thao đối với con người và xã hội; củng cố và hoàn thiện kiến thức cơ bản, kỹ năng thực hành một số môn thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể chất, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho sinh viên.  + Có kiến thức sâu, rộng về ngành đào tạo TDTT, có năng lực sư phạm đáp ứng được yêu cầu giảng dạy môn Thể dục.  + Có kiến thức chuyên sâu để tham gia bồi dưỡng học sinh có năng khiếu thể thao tham dự các giải ở các cấp; tổ chức các hoạt động TDTT trong nhà trường.   * ***Kỹ năng:***   - Tổ chức được hoạt động giảng dạy lí thuyết và thực hành về GDTC ở các cấp học theo chuẩn mực sư phạm;  + Có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm trong công tác giảng dạy và giáo dục học sinh;  + Có kỹ năng trong tổ chức và quản lý các hoạt động thể dục thể thao trong nhà trường.  + Có khả năng huấn luyện, tổ chức điều hành các giải thể dục thể thao (TDTT) ở trường học và thể thao quần chúng;  + Có các kĩ năng hoạt động Đoàn, Hội trong trường học;  + Có kĩ năng nghiên cứu khoa học về lĩnh vực TDTT; biết phân tích và giải quyết các vấn đề mới trong ngành TDTT, biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kĩ năng tư duy sáng tạo;  + Có kĩ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.  - ***Thái độ:***  + Có ý thức trách nhiệm của công dân đối với các vấn đề của xã hội, đất nước  + Tôn trọng người học, chấp nhận các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực, có ý thức tự tôn nghề nghiệp, tác phong sư phạm  + Coi trọng vị trí, vai trò của GDTC trong hệ thống giáo dục phổ thông; thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn và đổi mới phương pháp dạy học nội dung GDTC  + Có tình yêu, hứng thú đối với nghề nghiệp, nội dung giảng dạy  - ***Trình độ ngoại ngữ:*** Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kì, theo năm học để thông tin tới sinh viên theo dõi tiến độ học tập của mình. Thông báo kết quả học tập của những sinh viên có kết quả học tập yếu về cho gia đình để có cơ sở nắm bắt, động viên con em mình học tập theo đúng tiến độ đào tạo.  - Tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.  - Các vấn đề như học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, các khoản trợ cấp đều được thông báo rộng rãi đến từng sinh viên; Kịp thời hỗ trợ cho các sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.  - Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật sinh viên chính xác, kịp thời.  - Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, tổ chức các giải thi đấu nhằm giúp sinh viên rèn luyện cơ thể đồng thời trau dồi các kĩ năng trong học tập. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục thể chất hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sinh viên sau khi ra trường có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học GDTC hoặc có thể chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác. Tiếp tục học tập để trở thành huấn luyện viên các chuyên môn trong lĩnh vực TDTT |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Giáo viên giảng dạy môn Thể dục ở các trường phổ thông, và các trường cao đẳng, đại học  - Cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu khoa học TDTT;  - Cán bộ quản lí, cán bộ phong trào TDTT ở các sở, phòng văn hóa, thể thao và du lịch.  - Học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành tương ứng. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sư phạm Toán học (MS: 7140209)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - *Kiến thức*: Đào tạo cử nhân sư phạm Toán học có phẩm chất chính trị đạo đức và sức khỏe tốt. Nắm vững các tri thức về toán cơ bản và phương pháp giảng dạy toán ở trường trung học phổ thông. Chương trìnhhướng tới trang bị những kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, về khoa học tự nhiên cũng như những kiến thức cơ bản về Toán cơ bản, Toán sơ cấp và Toán ứng dụng cũng như các tư duy thuật toán.  - *Kỹ năng*: Trang bị cho sinh viên có kỹ năng sử dụng phương pháp giảng dạy môn học Toán để dạy Toán cho học sinh trung học phổ thông, rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy toán học, kỹ năng giáo dục để giảng dạy các kiến thức toán học cho học sinh trung học phổ thông.  - *Trình độ ngoại ngữ***:** Khi tốt nghiệp, sinh viên (K38 và các khóa trước) đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 /6 (A2). Sinh viên từ Khóa 39 trở đi đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 (B1). | - *Kiến thức*: Đào tạo cử nhân sư phạm Toán học có phẩm chất chính trị đạo đức và sức khỏe tốt. Nắm vững các tri thức về toán cơ bản và phương pháp giảng dạy toán ở trường trung học phổ thông. Chương trìnhhướng tới trang bị những kiến thức đại cương về khoa học xã hội và nhân văn, về khoa học tự nhiên cũng như những kiến thức cơ bản về Toán cơ bản, Toán sơ cấp và Toán ứng dụng cũng như các tư duy thuật toán.  - *Kỹ năng*: Trang bị cho sinh viên có kỹ năng sử dụng phương pháp giảng dạy môn học Toán để dạy Toán cho học sinh trung học phổ thông, rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy toán học, kỹ năng giáo dục để giảng dạy các kiến thức toán học cho học sinh trung học phổ thông. |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ cho sinh viên.  - Thành lập đội ngũ cố vấn học tập.  - Tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn.  - Có chính sách hỗ trợ học bổng từ Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020. | - Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ cho sinh viên.  - Thành lập đội ngũ cố vấn học tập.  - Tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn. |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Toán học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Toán học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.  - Nhà trường có liên kết đào tạo với hình thức với học trực tuyến trình độ thạc sĩ một số môn học để sau khi tốt nghiệp có thể được tuyển chọn học tiếp chương trình Thạc sĩ dưới sự hướng dẫn của các giáo sư tại các ĐH Limoges và ĐH Aix-Marseille (Pháp). | - Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo trong nước. |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | * Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy tại các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, các trường đại học, cao đẳng hoặc làm việc tại các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý, các cơ sở sản xuất và kinh doanh có sử dụng kiến thức của toán học, hoặc nếu có đủ điều kiện có thể đào tạo tiếp ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Sinh viên cũng có thể học thêm các khóa đào tạo ngắn hạn về Công nghệ thông tin để có thể làm việc tại các công ty phần mềm và các doanh nghiệp. | Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy và quản lý tại các trường trung học cơ sở, các phòng ban giáo dục, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, các cơ quan quản lý, các cơ sở sản xuất và kinh doanh có sử dụng kiến thức của toán học. |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sư phạm Tin học (MS:7140210)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | **- Kiến thức:**  + Có những kiến thức cơ bản nhất về CNTT và những ứng dụng của CNTT.  + Có kiến thức về tư duy thuật toán và lập trình cho máy tính.  + Có kiến thức về tổ chức và quản lý dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý.  + Có kiến thức cơ bản về mạng máy tính, tổ chức và quản lý mạng máy tính.  + Có kiến thức về tâm lý học và nghiệp vụ sư phạm.  + Kiến thức về nghiệp vụ giảng dạy môn Tin học ở trường THPT.  **- Kỹ năng:**  + Kỹ năng sử dụng máy tính.  + Kỹ năng về lập trình ứng dụng.  + Kỹ năng về tổ chức và quản lý dữ liệu trên máy tính.  + Kỹ năng về tổ chức và quản lý mạng máy tính.  + Kỹ năng về làm việc nhóm.  + Kỹ năng về thuyết trình.  + Kỹ năng về giảng dạy môn Tin học.  **- Thái độ:**  Chuyên cần, nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chuyên môn của giảng viên.  Có ý thức trách nhiệm, ý thức tập thể, tôn trọng pháp luật.  Có phương pháp học tập khoa học, có thói quen học tập theo nhóm; biết giải quyết các tình huống theo hướng tích cực; biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo trong nghề nghiệp.  **- Trình độ ngoại ngữ:** tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | Có đầy đủ phòng học với trang thiết bị dạy học như máy chiếu, âm thanh.  Thư viện có đầy đủ sách tham khảo cho chuyên ngành CNTT.  Có 10 phòng máy tính với hơn 450 máy tính phục vụ cho thực hành.  Số lượng giảng viên: 31 (Trong đó: TS: 08, NCS: 05, ThS: 18).  Khoa định kỳ tổ chức các xêmina về chuyên môn để các cán bộ và học viên cao học trao đổi chuyên môn. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Tin học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Có khả năng tiếp tục học các bậc cao hơn ngành CNTT. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Giáo viên giảng dạy môn Tin học ở các trường THPT.  - Giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng hay trung cấp chuyên nghiệp.  - Chuyên viên quản lý CNTT tại các cơ quan, tổ chức hay doanh nghiệp. Với các vị trí như quản trị mạng, tổ chức và quản trị hệ thống thông tin, lập trình ứng dụng.  - Các công ty chuyên về phần mềm, các giải pháp về CNTT. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sư phạm Vật lý (MS:7140211)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | **\* Mục tiêu:**  - Đào tạo giáo viên trình độ cử nhân khoa học có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, có năng lực tự học, tự nghiên cứu.  **\* Kiến thức:**  - Có kiến thức cơ bản về Toán học, Ngoại ngữ, Tin học.  - Có kiến thức đầy đủ và sâu sắc về lịch sử Vật lý, Vật lý đại cương, thí nghiệm Vật lý, Thiên văn học, Vật lý hiện đại.  - Có kiến thức về khoa học giáo dục, lý luận dạy học Vật lý, chương trình Vật lý và thực tiễn dạy học Vật lý.  **\* Kỹ năng:**  - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức Vật lý để giải các bài toán về Vật lý đại cương, các bài toán Vật lý ở trung học phổ thông, giải thích các hiện tượng Vật lý trong tự nhiên, trong đời sống và trong kỹ thuật.  **\* Thái độ:**  - Có ý thức trách nhiệm, ý thức tập thể, tôn trọng pháp luật.  - Chuyên cần, nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chuyên môn của giảng viên.  - Có phương pháp học tập khoa học, có thói quen học tập theo nhóm; biết giải quyết các tình huống theo hướng tích cực; biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo trong nghề nghiệp.  - Yêu nghề, gắn bó với nghề dạy học; chấp hành Luật Giáo dục, điều lệ, quy chế, quy định của ngành; có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; sống trung thực, lành mạnh, là tấm gương tốt cho học sinh.  **\* Trình độ ngoại ngữ:**  - Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 2/6 (tương đương A2) trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được quy định tại Thông tư số 01/2014/TT – BGDĐT ngày 24/01/2014. Đối với sinh viên từ khóa 39 (tuyển sinh năm 2016) trở đi khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 (tương đương trình độ B1). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Người học được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các văn bản hướng dẫn của nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của sinh viên.  - Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu.  - Có đầy đủ phòng học với trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy học.  - Sinh viên đạt các điều kiện học tập đều được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học.  - Được tạo điều kiện tham gia các hoạt động nghiệp vụ để tăng cường kiến thức, kỹ năng.  - Tham gia các kỳ tham quan thực tế.  - Thông qua các tổ chức của thanh niên trong nhà trường như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, các hình thức hỗ trợ và phát triển giáo dục trong thanh niên được đầu tư đúng mức, đa dạng và phong phú. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Vật lý hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Có đủ khả năng theo học các hệ đào tạo ở cấp độ cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được cấp bằng Cử nhân Khoa học, hệ chính quy, ngành Sư phạm Vật lý; có thể xin tuyển dụng làm công chức giảng dạy bậc phổ thông (trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở) tại các Sở Giáo dục - Đào tạo trong cả nước.  - Nếu có nguyện vọng và hội đủ điều kiện, sinh viên có thể xin làm giảng viên của các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trong cả nước.  - Làm việc ở các cơ sở quản lý giáo dục.  - Làm việc ở các trung tâm, viện nghiên cứu về giáo dục và khoa học kỹ thuật. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sư phạm Hóa học** **(MS: 7140212)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Học sinh đã tốt nghiệp THPT;  - Đạt các điều kiện quy định theo Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường;  - Trên điểm sàn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Có kiến thức chung về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức chuyên sâu về hoá học bậc đại học;  - Có kỹ năng làm việc nhóm, tiến hành thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, cập nhật các thông tin, kiến thức về khoa học Hóa học;  - Có chí hướng, đủ trình độ để học ở bậc học cao hơn: Thạc sỹ, Tiến sĩ;  - Hiểu, nắm vững và vận dụng được các kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, tâm lý, giáo dục, phương pháp giảng dạy, mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá ở trường phổ thông, đại học;  - Có đủ khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ thiết kế bài giảng môn học. Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo chuẩn kỹ năng thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông);  - Có thể sử dụng tiếng Anh đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành, đạt trình độ A2. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về học tập, sinh hoạt, các chủ trương chính sách của Nhà nước và Nhà trường;  - Được thực hiện các chế độ chính sách dành cho sinh viên do Nhà nước và Nhà trường ban hành như: học bổng chính sách, học bổng do các nhà tài trợ,..;  - Được tham gia NCKH, hội thảo khoa học;  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường;  - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể như: tổ chức Đoàn, Hội trong Trường;  - Được tham gia các câu lạc bộ về hóa học, câu lạc bộ tiếng Anh, các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tình nguyện;  - Được hỗ trợ kịp thời đối với những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để tiếp tục đến trường. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Hóa học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học cao hơn: Thạc sỹ, Tiến sĩ ở trong và ngoài nước. |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  |  | - Có đủ kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm để giảng dạy ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học;  - Có khả năng làm nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu, các phòng thí nghiệm liên quan đến hóa học. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sư phạm Sinh học (MS:7140213)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Người đã tốt nghiệp THPT hệ chính quy và không chính quy |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Kiến thức: Sinh viên có đủ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo dạy tốt môn Sinh học và Công nghệ ở Trường phổ thông. Biết phương pháp giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học. Biết xây dựng giả thiết khoa học, soạn đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học và ứng dụng triển khai kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; Sinh viên có khả năng đáp ứng yêu cầu về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục ở phổ thông, có đủ năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị tiên tiến, hiện đại trong dạy học để nâng cao chất lượng trong giờ dạy; Sinh viên có kĩ năng thực hành, thí nghiệm, ứng dụng các thành tựu khoa học trong thực tiễn sản xuất và dạy cho học sinh những kĩ năng thực hành, nghiên cứu.  - Thái độ: Đào tạo sinh viên có phẩm chất, tư cách, đạo đức tốt có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao và có tác phong mẫu mực của nhà giáo.  - Ngoại ngữ: Đảm bảo yêu cầu Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học chính quy theo Quyết định số 4230/QĐ-ĐHQN ban hành ngày 23/12/2014 (tiếng Anh đạt trình độ A2 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương (còn hạn): TOEFL iBT 35 điểm, TOEFL Paper 400 điểm, IELTS 3,5, TOEIC 400, KET). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Người học được hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho việc học tập, nghiên cứu và hoạt động phong trào.  - Được tạo điều kiện để thực tập sư phạm tại các trường phổ thông. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Sinh học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể theo học các chương trình thạc sĩ, tiến sĩ liên quan đến sinh học. |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - SV sau khi tốt nghiệp tham gia giảng dạy môn Sinh học tại các trường THPT,THCS,THCN. Dạy môn Công nghệ ở THPT.  - Có khả năng tham gia nghiên cứu tại các Trung tâm nghiên cứu khoa học, Viện nghiên cứu thuộc ngành Sinh học, nông nghiệp, môi trường, cơ sở sản xuất kinh doanh có liên quan đến lĩnh vực sinh học. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sư phạm Ngữ văn (MS:7140217)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Mục tiêu kiến thức:  + Người học được trang bị có hệ thống và sâu rộng những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và thế giới, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Lý luận và phê bình văn học.  + Có đủ khả năng để học tiếp các chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ các chuyên ngành Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ, Văn học nước ngoài, Lý luận văn học, Khoa học giáo dục…  - Kĩ năng:  + Kĩ năng mềm: Khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn có kĩ năng tốt trong giao tiếp, thuyết trình, kĩ năng tổ chức các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, soạn thảo công văn, giấy tờ, văn bản hành chính…  + Kĩ năng chuyên môn: Sinh viên ngành Sư phạm Ngữ văn sau khi tốt nghiệp có kĩ năng và phẩm chất cần thiết để trở thành những giáo viên tương lai, có khả năng giảng dạy tốt ở bậc THPT, nghiên cứu khoa học Ngữ văn và quản lí giáo dục một cách hiệu quả.  - Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). Áp dụng đối với sinh viên từ khóa 39 trở đi. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Thực tế chuyên môn, thực tập sư phạm I và thực tập sư phạm II.  - Các hoạt động ngoại khóa như sáng tác thơ văn, Hội thi nghiệp vụ sư phạm, thao giảng, Hội thi văn học dân gian.  - Tăng cường hoạt động Đoàn – Hội theo hướng phát huy tính sáng tạo, rèn luyện kĩ năng sống cho sinh viên.  - Tăng cường các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động tình nguyện hè, hoạt động thiện nguyện…  - Có đầy đủ hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng phục vụ cho việc dạy học chuyên ngành.  - Hệ thống máy chiếu, âm thanh phục vụ đào tạo  - Thư viện nhà trường và thư viện của khoa có đủ sách tham khảo, báo, tạp chí, giáo trình, luận án, luận văn, khóa luận và các tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập chuyên ngành. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | - Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Ngữ văn theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp có giảng dạy tiếng Việt và văn học, soạn thảo văn bản…  - Tham gia giảng dạy tại các trường Trung học phổ thông, trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên,  - Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên sâu ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ Văn học và Ngôn ngữ học. |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Giáo viên Ngữ văn bậc THCS và THPT đáp ứng yêu cầu về đổi mới nội dung và phương pháp dạy học ở trường phổ thông;  - Chuyên viên trong các lĩnh vực liên quan đến Báo chí, phát thanh truyền hình, tuyên giáo, nghiệp vụ văn phòng tại các sở ban ngành, các Ban của Đảng, công tác hành chính của các doanh nghiệp tư nhân, đơn vị ngoài quốc doanh… |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sư phạm Lịch sử (MS: 7140218)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | * ***Kiến thức***   + Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; về kiến thức quốc phòng-an ninh;  + Thông hiểu những kiến thức cơ bản, có hệ thống về tiến trình lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới và những kiến thức cơ sở, chuyên sâu của chuyên ngành.   * ***Kỹ năng***   Rèn luyện năng lực vận dụng những kiến thức đã học phục vụ cho công tác nghiên cứu lịch sử và hoạt động xã hội. Đặc biệt là năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.   * ***Trình độ ngoại ngữ, tin học***   + Trình độ Tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương cấp độ B1 theo Khung tham chiếu chung của châu Âu-CEFR). (áp dụng từ K39 trở đi)  + Có trình độ tin học cơ bản, sử dụng tốt các phần mềm soạn bài giảng lịch sử. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | * Tổ chức Tuần sinh hoạt đầu khóa cho sinh viên năm thứ 1 nhằm cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần và điều kiện dự thi tốt nghiệp cũng như các văn bản liên quan khác. * Đôn đốc các cố vấn học tập theo sát và hỗ trợ đắc lực cho sinh viên trong học tập. Tổ chức các đợt thực tế chuyên môn (tham quan di tích, bảo tàng, nghiên cứu lịch sử địa phương,...) và các đợt thực tập sư phạm 1 (dự giờ, tìm hiểu nhà trường phổ thông); thực tập sư phạm 2 (công tác chủ nhiệm và giảng dạy ở trường phổ thông. * Tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với chuyên môn như Câu lạc bộ Sử học, Cuộc thi Nhà Sử học Trẻ, Hội thi nghiệp vụ sư phạm. Tổ chức các nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và hướng dẫn các sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp. * Tổ chức các hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao,... trong sinh viên để rèn luyện thể lực, tạo không khí vui tươi và lựa chọn nhân tài tham gia cấp Trường. * Đảm bảo trật tự, an toàn cho sinh viên và khen thưởng kịp thời các sinh viên có thành tích trong học tập, rèn luyện... |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Lịch sử hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học cao hơn: Thạc sỹ, Tiến sĩ ở trong và ngoài nước. |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | * Làm công tác dạy học tại các trường trung học phổ thông, cao đẳng và đại học.   - Có thể tham gia nghiên cứu tại các viện, trung tâm, các cơ quan đoàn thể xã hội liên quan đến kiến thức lịch sử. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sư phạm Địa lý (MS: 7140219)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | ***1. Kiến thức:***  - SV hiểu rõ bản chất, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của Khoa học Địa lí và Khoa học Giáo dục.  - Nắm vững những tri thức địa lí cơ bản và mối quan hệ với các hiện tượng, các quá trình tự nhiên, kinh tế - xã hội cũng như tổ chức lãnh thổ ngành vùng các quốc gia trên thế giới và ở Việt Nam.  - Hiểu đúng đắn về mối quan hệ giữa tự nhiên và kinh tế - xã hội, giữa con người với môi trường và sự phát triển bền vững.  - Nắm được lí luận dạy học cơ bản, tiếp cận và thực hiện được các phương pháp dạy học hiện đại;  - Hiểu rõ chủ trương đổi mới phương pháp dạy học ở các cấp học, bậc học của Đảng và Nhà nước.  ***2. Kỹ năng:***  - Có kỹ năng làm việc nhóm, báo cáo thuyết trình các vấn đề của địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế - xã hội, tài nguyên - môi trường và thiên tai được đề cập đến trong chương trình đào tạo.  - Có kỹ năng áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện dạy học hiện đại vào các quá trình dạy học địa lí ở các trường trung học phổ thông;  - Có khả năng nghiên cứu tìm hiểu tự nhiên, kinh tế - xã hội khu vực, địa phương phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập địa lí và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.  - Có kỹ năng sư phạm, vận dụng những hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp vào việc dạy học địa lí ở các trường trung học phổ thông.  ***3. Trình độ ngoại ngữ:*** Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Bên cạnh các trung tâm văn hóa, TDTT của Nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động thu hút SV, Khoa có Câu lạc bộ Địa lí - Địa chính, Hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Đội Thanh niên xung kích… góp phần đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động phong trào của sinh viên.  - Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng dẫn sinh viên đi thực tập chuyên đề, khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp,….  - Ngoài ra, Khoa còn phối kết hợp với đơn vị khác trong và ngoài trường (Sở KH-CN, Sở TN-MT, Trung tâm CNTT, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Định, Liên đoàn Địa chất V, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên, Hải đội II - Bộ đội biên phòng, các trung tâm, công ty đo đạc trên địa bàn tỉnh Bình Định) tổ chức các hoạt động hỗ trợ bổ ích cho học tập, sinh hoạt và rèn luyện kỹ năng mềm cho SV. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Địa lý hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | SV tốt nghiệp ra trường có đủ sức khỏe, năng lực chuyên môn và kỹ năng dạy học môn Địa lí ở các trường THPT, THCS hoặc tham gia nghiên cứu khoa học tại các viện, trung tâm, cơ quan ban ngành có liên quan đến chuyên môn Địa lí đã được đào tạo. |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | SV có thể được nhận nhiệm sở tại các trường đại học, cao đẳng sư phạm hoặc các trường THPT. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sư phạm Tiếng Anh (MS:7140231)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành | Theo Quy chế tuyển hệ liên thông hiện hành |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | \* Về kiến thức:  - Người học nắm vững những kiến thức chung về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương làm nền cho việc rèn luyện phẩm chất chính trị cho cử nhân ngành sư phạm tiếng Anh.  - Cung cấp cho sinh viên kiến thức tương đối rộng về ngôn ngữ Anh, văn hoá, xã hội và văn học Anh - Mỹ. Có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh ít nhất tương đương bậc 5/6 theo khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt nam. Sử dụng tốt tiếng Anh trong quá trình dạy học, nghiên cứu và hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học.  - Trang bị cho người học trình độ ngoại ngữ 2 (tiếng Pháp/ tiếng Trung) tối thiểu đạt chuẩn bậc 3/6 theo khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt nam. Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn về các vấn đề quen thuộc trong các chủ đề về công việc, trường học, giải trí... Xử lí hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. Viết được các văn bản đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc các chủ đề mà cá nhân quan tâm. Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, mơ ước, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.  - Trang bị cho người học kiến thức về khoa học sư phạm, cơ sở lý luận và phương pháp dạy (ở người dạy) và học (ở người học) tiếng Anh; hiểu biết về chương trình, biết thiết kế đề cương môn học, làm cơ sở cho công việc giảng dạy, có kiến thức về môi trường sống và làm việc trong thời kì hội nhập, toàn cầu hóa; sinh viên sẽ có kiến thức về sử dụng hiệu quả công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ, có phẩm chất đạo đức, tính chuyên nghiệp, khả năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tư duy phê phán.  \* Về kỹ năng:  - Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và trong công tác chuyên môn.  - Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong giảng dạy tiếng Anh ở các cấp học thuộc hệ thống giáo dục Việt Nam. Đảm bảo cho sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng thực hành các bộ môn cơ bản của khoa học sư phạm, có cơ sở lý luận và biết sử dụng phương pháp giảng dạy tiếng Anh ở các cấp học trong hệ thống giáo dục Việt Nam.  - Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng (các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết), bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học hoặc văn hoá, văn minh của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ.  \* Về thái độ  Tích cực tham dự các giờ lý thuyết trên lớp; tự giác nghiên cứu, tìm hiểu bài học theo yêu cầu của giảng viên, hoàn thành các bài tập và trả lời câu hỏi chuẩn bị bài trước khi đến lớp; chủ động chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và tham khảo.  + Cần cù, năng động tiếp thu kiến thức  \* Về trình độ ngoại ngữ đạt được:  Sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm tiếng Anh phải có trình độ tiếng Anh đảm bảo đạt bậc 5 theo khung năng lực NN 6 bậc của Việt nam, và trình độ ngoại ngữ 2 đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực NN 6 bậc của Việt nam. | * Về kiến thức:   - Cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ Anh, văn hoá và xã hội Anh. Có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh tương đương bậc 5/6 theo khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt nam. Sử dụng tốt tiếng Anh trong quá trình dạy học, nghiên cứu và hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học.  - Trang bị cho người học kiến thức về khoa học sư phạm, cơ sở lý luận và phương pháp dạy (ở người dạy) và học (ở người học) tiếng Anh; hiểu biết về chương trình, biết thiết kế đề cương môn học, làm cơ sở cho công việc giảng dạy, có kiến thức về môi trường sống và làm việc trong thời kì hội nhập, toàn cầu hóa; sinh viên sẽ có kiến thức về sử dụng hiệu quả công nghệ trong giảng dạy ngoại ngữ, có phẩm chất đạo đức, tính chuyên nghiệp, khả năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tư duy phê phán.   * Về kỹ năng:   - Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và trong công tác chuyên môn.  - Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong giảng dạy tiếng Anh ở các cấp học thuộc hệ thống giáo dục Việt Nam. Đảm bảo cho sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng thực hành các bộ môn cơ bản của khoa học sư phạm, có cơ sở lý luận và biết sử dụng phương pháp giảng dạy tiếng Anh ở các cấp học trong hệ thống giáo dục Việt Nam.  - Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng (các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết), bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học hoặc văn hoá, văn minh của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ.  - Về thái độ  Tích cực tham dự các giờ lý thuyết trên lớp; tự giác nghiên cứu, tìm hiểu bài học theo yêu cầu của giảng viên, hoàn thành các bài tập và trả lời câu hỏi chuẩn bị bài trước khi đến lớp; chủ động chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và tham khảo.  + Cần cù, năng động tiếp thu kiến thức   * Về trình độ ngoại ngữ đạt được:   Sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm tiếng Anh phải có trình độ tiếng Anh đảm bảo đạt bậc 5 theo khung năng lực NN 6 bậc của Việt nam. |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | 1. - Chương trình kiến tập và thực tập sư phạm. 2. - Câu lạc bộ tiếng Anh. 3. - Diễn đàn tiếng Anh cộng đồng. 4. - Các chương trình hoạt động ngoại khóa do hội sinh viên và đoàn thanh niên tổ chức. | 1. Câu lạc bộ tiếng Anh 2. Diễn đàn tiếng Anh cộng đồng 3. Các chương trình hoạt động ngoại khóa do hội sinh viên và đoàn thanh niên tổ chức |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm tiếng Anh hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học hệ liên thông CĐ lên ĐH ngành Sư phạm Tiếng Anh theo hệ thống tín chỉ. |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sinh viên được trang bị các kiến thức về nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nghề nghiệp. Vì vậy có thể tham gia các khóa học nâng cao trình độ Thạc sĩ, hoặc tiến sĩ sau khi ra trường. | Sinh viên được trang bị các kiến thức về nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nghề nghiệp. Vì vậy có thể tham gia các khóa học nâng cao trình độ Thạc sĩ, hoặc tiến sĩ sau khi ra trường. |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | * - Giáo viên của các trường phổ thông trung học, trung học cơ sở và tiểu học trong tỉnh và khu vực. * - Tham gia các công việc văn phòng tại các sở, ban, ngành có yêu cầu trình độ và năng lực tiếng Anh. | * - Giáo viên của các trường phổ thông trung học, trung học cơ sở và tiểu học trong tỉnh và khu vực * - Tham gia các công việc văn phòng tại các sở, ban, ngành có yêu cầu trình độ và năng lực tiếng Anh |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh (MS:7220201, 8220201)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | |
| **Chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành | Theo Quy chế tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học hiện hành |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | \* Về kiến thức:  Có kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học, ngôn ngữ Anh và các khoa học có liên quan; mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh để có thể vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch, giao tiếp và giảng dạy tiếng Anh trong các phạm vi, điều kiện và hoạt động công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước.  \* Về kỹ năng:  Phát triển các kỹ năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh, nhất là các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, nghiên cứu và trình bày, công bố kết quả nghiên cứu thuộc chuyên ngành ngôn ngữ Anh.  \* Về trình độ ngoại ngữ:  Có trình độ Ngoại ngữ 2 đạt bậc 3/6 Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương, còn hạn. | * \* Về kiến thức:   - Người học nắm vững những kiến thức chung về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương làm nền cho việc rèn luyện phẩm chất chính trị cho cử nhân khoa học ngành tổng hợp tiếng Anh.  - Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Anh, văn hóa xã hội và văn học Anh - Mỹ.  - Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực biên-phiên dịch, hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế - xã hội.  - Trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học hoặc văn hoá văn minh của các nước cộng đồng Anh ngữ, đồng thời giúp sinh viên phát triển năng lực hợp tác, khả năng thuyết trình bằng tiếng Anh.   * \* Về kỹ năng:   - Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và trong công tác chuyên môn.  - Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực biên phiên dịch, hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế xã hội. Đảm bảo cho sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng thực hành các bộ môn cơ bản.  - Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng (các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết); có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh ít nhất tương đương bậc 5/6 theo khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt nam ; bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học hoặc văn hoá, văn minh của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ.  \* Về thái độ học tập  - Tích cực tham dự các giờ lý thuyết trên lớp; tự giác nghiên cứu, tìm hiểu bài học theo yêu cầu của giảng viên, hoàn thành các bài tập và trả lời câu hỏi chuẩn bị bài trước khi đến lớp; chủ động chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và tham khảo.  - Cần cù, năng động tiếp thu kiến thức.   * \* Về trình độ ngoại ngữ đạt được:   Sinh viên tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Anh phải có trình độ tiếng Anh đảm bảo đạt bậc 5 theo khung năng lực NN 6 bậc của Việt nam, và trình độ ngoại ngữ 2 đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực NN 6 bậc của Việt nam. | * Về kiến thức:   - Giúp sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Anh, văn hóa xã hội và văn học Anh.  - Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực biên-phiên dịch, hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế - xã hội.  - Trang bị cho sinh viên kiến thức về các kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn học hoặc văn hoá văn minh của các nước cộng đồng Anh ngữ, đồng thời giúp sinh viên phát triển năng lực hợp tác, khả năng thuyết trình bằng tiếng Anh.   * Về kỹ năng:   - Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ thành thạo trong các tình huống giao tiếp xã hội và trong công tác chuyên môn.  - Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực biên phiên dịch, hoạt động nghiệp vụ, kinh doanh, kinh tế xã hội. Đảm bảo cho sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng thực hành các bộ môn cơ bản.  - Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng (các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết).  - Về thái độ học tập  Tích cực tham dự các giờ lý thuyết trên lớp; tự giác nghiên cứu, tìm hiểu bài học theo yêu cầu của giảng viên, hoàn thành các bài tập và trả lời câu hỏi chuẩn bị bài trước khi đến lớp; chủ động chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập và tham khảo.  Cần cù, năng động tiếp thu kiến thức   * Về trình độ ngoại ngữ đạt được:   Sinh viên tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Anh phải có trình độ tiếng Anh đảm bảo đạt bậc 5 theo khung năng lực NN 6 bậc của Việt nam. |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | - Các hoạt động xê mi na khoa học của Khoa và các Bộ môn;  - Các hội thảo chuyên ngành ngôn ngữ, ngôn ngữ Anh và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh của quốc tế, quốc gia, Đề án NNQG 2017-2015 và Trường Đại học Quy Nhơn;  - Các buổi bảo vệ đề cương luận văn và luận văn thạc sĩ của khoa và của trường;  - Các buổi thảo luận và nghiệm thu các đề tài khoa học các cấp. | 1. - Chương trình thực tập thực tế. 2. - Câu lạc bộ tiếng Anh 3. - Diễn đàn tiếng Anh cộng đồng 4. - Các chương trình hoạt động ngoại khóa do hội sinh viên và đoàn thanh niên tổ chức. | 1. Câu lạc bộ tiếng Anh 2. Diễn đàn tiếng Anh cộng đồng |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học văn bằng thứ 2, hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ. |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Có thể học lên bậc Tiến sĩ các chuyên ngành sau:  - Ngôn ngữ Anh;  - Ngôn ngữ học ứng dụng;  - Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu;  - Ngôn ngữ học;  - Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh. | Sinh viên được trang bị các kiến thức về nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nghề nghiệp. Vì vậy có thể tham gia các khóa học nâng cao trình độ Thạc sĩ, hoặc tiến sĩ sau khi ra trường. | Sinh viên được trang bị các kiến thức về nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng nghề nghiệp. |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  | * - Tham gia các công việc tại các sở, ban, ngành nhà nước có yêu cầu cao về trình độ và năng lực tiếng Anh; * - Tham gia làm việc cho các công ty nhà nước và tư nhân ở các vị trí yêu cầu sử dụng tốt tiếng Anh như: ngoại giao, lễ tân, biên-phiên dịch, xuất nhập khẩu, truyền thông, văn hóa-du lịch, dịch vụ; * - Có thể tham gia giảng dạy tại các trường phổ thông các cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học tại địa phương và trong cả nước. | * - Tham gia các công việc văn phòng tại các sở, ban, ngành có yêu cầu trình độ và năng lực tiếng Anh. * - Tham gia làm việc cho các công ty nhà nước và tư nhân ở các vị trí yêu cầu sử dụng tiếng Anh như: lễ tân, phiên dịch viên, biên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch. * - Có thể tham gia giảng dạy tại các trường phổ thông trung học, trung học cơ sở và tiểu học trong tỉnh và khu vực. | * - Tham gia các công việc văn phòng tại các sở, ban, ngành có yêu cầu trình độ và năng lực tiếng Anh. * - Tham gia làm việc cho các công ty nhà nước và tư nhân ở các vị trí yêu cầu sử dụng tiếng Anh như: lễ tân, phiên dịch viên, biên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch. |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Lịch sử (MS:7229010)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | * ***Kiến thức***   + Người học hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, về kiến thức quốc phòng-an ninh;  + Người học thông hiểu những kiến thức cơ bản, có hệ thống về tiến trình lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới từ nguồn gốc đến nay và những kiến thức cơ sở, chuyên sâu của chuyên ngành (đi sâu một trong số các chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lịch sử, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Quản lý bảo tàng bảo tồn di tích).   * ***Kỹ năng***   + Rèn luyện năng lực vận dụng những kiến thức đã học phục vụ cho công tác nghiên cứu lịch sử và hoạt động xã hội. Đặc biệt là năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.  + Đạt trình độ B tin học, biết khai thác Internet để làm tư liệu nghiên cứu khoa học; biết sử dụng tốt các phần mềm trong nghiên cứu, thuyết trình các vấn đề lịch sử.   * ***Trình độ ngoại ngữ, tin học***   + Trình độ Tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương cấp độ B1 theo Khung tham chiếu chung của châu Âu-CEFR), áp dụng cho sinh viên từ K36 trở đi.  + Có trình độ tin học cơ bản, sử dụng tốt các phần mềm trong nghiên cứu, khai thác tài liệu lịch sử. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | * Tổ chức Tuần sinh hoạt đầu khóa cho sinh viên năm thứ nhất nhằm cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, điều kiện dự thi kết thúc học phần và điều kiện dự thi tốt nghiệp cũng như các văn bản liên quan khác. * Đôn đốc các cố vấn học tập theo sát và hỗ trợ đắc lực cho sinh viên trong học tập. Tổ chức các đợt thực tế chuyên môn 1, 2 (tham quan di tích, bảo tàng, nghiên cứu lịch sử địa phương,...) và thực tập tốt nghiệp. * Tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với chuyên môn như Câu lạc bộ Sử học, Thi Nhà Sử học Trẻ. Tổ chức các nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và hướng dẫn các sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp. * Tổ chức các hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao, thi Tìm kiếm tài năng MC... trong sinh viên để lựa chọn nhân tài và tạo không khí lành mạnh. * Đảm bảo trật tự, an toàn cho sinh viên và khen thưởng kịp thời các sinh viên có thành tích trong học tập, rèn luyện... |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Lịch sử hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học cao hơn: Thạc sỹ, Tiến sĩ ở trong và ngoài nước. |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | * Làm công tác nghiên cứu tại các viện, trung tâm, các cơ quan đoàn thể xã hội liên quan đến kiến thức lịch sử.   - Có thể tham gia giảng dạy tại các trường phổ thông, cao đẳng, đại học (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm). |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Văn học (MS:7229030)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Mục tiêu kiến thức:  + Người học được trang bị có hệ thống và sâu rộng những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và thế giới, Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, Lý luận và phê bình văn học, Lý luận và thực tiễn báo chí.  + Có đủ khả năng để học tiếp các chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ các chuyên ngành Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ, Văn học nước ngoài, Lý luận văn học, Hán Nôm, Báo chí – Tuyên truyền, truyền thông…  - Kĩ năng:  + Kĩ năng mềm: Khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Văn học có kĩ năng tốt trong hoạt động nghiên cứu văn học, ngôn ngữ, báo chí – tuyên truyền, trong giao tiếp, thuyết trình, các hoạt động văn hóa-nghệ thuật, soạn thảo công văn, văn bản hành chính…  + Kĩ năng chuyên môn: Ngành Văn học đào tạo sinh viên có kĩ năng và phẩm chất cần thiết để có thể tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học Ngữ văn và tham gia hoạt động báo chí, văn hóa-nghệ thuật…  - Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). Áp dụng đối với sinh viên từ khóa 39 trở đi. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Thực tế chuyên môn, thực tập chuyên ngành.  - Các hoạt động ngoại khóa như sáng tác thơ văn, Hội thi nghiệp vụ văn học, báo chí và các hoạt động bổ trợ khác.  - Tăng cường hoạt động Đoàn – Hội theo hướng phát huy tính sáng tạo, rèn luyện kĩ năng sống cho sinh viên.  - Tăng cường các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động tình nguyện hè, hoạt động thiện nguyện…  - Có đầy đủ hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng phục vụ cho việc dạy học chuyên ngành.  - Hệ thống máy chiếu, âm thanh phục vụ đào tạo  - Thư viện nhà trường và thư viện của khoa có đủ sách tham khảo, báo, tạp chí, giáo trình, luận án, luận văn, khóa luận và các tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập chuyên ngành. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Văn học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Có khả năng nghiên cứu, giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp có giảng dạy tiếng Việt và văn học, soạn thảo văn bản…  - Có khả năng học tiếp ở bậc sau đại học các chuyên ngành: Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ học, Hán Nôm học, Văn hoá học, Việt Nam học,... |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Chuyên viên nghiệp vụ văn phòng tại các sở ban ngành, các Ban của Đảng, công tác hành chính sự nghiệp của các doanh nghiệp tư nhân, đơn vị ngoài quốc doanh…  - Chuyên viên nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn  - Phóng viên, biên tập viên tại các toà soạn báo địa phương và trung ương, phòng biên tập, biên tập viên, phát thanh viên tại các đài truyền thanh - truyền hình... |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Kinh tế (MS:7310101)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Học sinh đã tốt nghiệp THPT;  - Đạt các điều kiện quy định theo Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường;  - Trên ngưỡng điểm đầu vào quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Có kiến thức chung về kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước, thành thạo công tác lập dự án đầu tư; có khả năng tổ chức và quản lý tốt hoạt động đầu tư và quản lý các dự án đầu tư, xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển và quy hoạch phát triển, tham gia xây dựng chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh ở các doanh nghiệp;…, vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản của nhóm ngành kinh tế vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo, vận dụng được những kiến thức cơ sở của khối ngành và của ngành làm nền tảng để nghiên cứu các nghiệp vụ chuyên sâu của ngành Kinh tế;  - Có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo;  - Có chí hướng, đủ trình độ để học ở bậc học cao hơn: Thạc sĩ, Tiến sĩ;  - Có đủ khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ thiết kế bài giảng môn học. Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo chuẩn kỹ năng thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông);  - Có thể sử dụng tiếng Anh đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành, đạt trình độ B1. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về học tập, sinh hoạt, các chủ trương chính sách của Nhà nước và Nhà trường;  - Được thực hiện các chế độ chính sách dành cho sinh viên do Nhà nước và Nhà trường ban hành như: học bổng chính sách, học bổng do các nhà tài trợ,..;  - Được tham gia nghiên cứu khoa học, hội thảo khoa học;  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thực hành máy tính với các phần mềm phân tích dự án đầu tư, các trang thiết bị và cơ sở vật chất khác của Trường;  - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể như: tổ chức Đoàn, Hội trong Trường và của Khoa;  - Được tham gia các câu lạc bộ Kinh tế - Kế toán, câu lạc bộ tiếng Anh, các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tình nguyện khác;  - Được hỗ trợ kịp thời đối với những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để tiếp tục đến trường. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học cao hơn: Thạc sĩ, Tiến sĩ ở trong và ngoài nước; cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ đầu thầu và chấm thầu, chứng chỉ thẩm định giá,... |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | Các cơ quan và doanh nghiệp nhà nước: Các Bộ, ngành; các Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố, phòng Kế hoạch - Tài chính của các quận, huyện; UBND các cấp, các doanh nghiệp: các tổng công ty, công ty, ngân hàng, các cơ quan tư vấn dịch vụ đầu tư và các định chế phi ngân hàng hoặc các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp,… |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Quản lý Nhà nước (MS:7310205)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Tuyển sinh theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - *Kiến thức*:  + Nắm vững kiến thức cơ bản, chuyên sâu và có hệ thống về nền hành chính nhà nước, nội dung và cách thức, phương pháp quản lý nhà nước; nội dung quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội;  + Nắm vững những vấn đề cơ bản về thực tiễn kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại… của đất nước;  + Nắm vững lý thuyết và có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề đặt ra trong tổ chức và hoạt động của  nền hành chính, công vụ các cấp, đặc biệt là chính quyền địa phương;  + Có kiến thức cơ bản và khả năng vận dụng kiến thức các khoa học chính trị, khoa học xã hội và hành vi, nhân văn, lịch sử, địa lý, tâm lý...trong hoạt động nghề nghiệp;  + Hiểu và biết vận dụng kiến thức về phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu tự học, tự nghiên cứu.  - *Kỹ năng*:  + Có khả năng lập luận khoa học, xác định đối tượng, giải quyết vấn đề trong hoạt động quản lý nhà nước;  + Có năng lực thực hành, kỹ năng xử lý tình huống trong nền hành chính, công vụ;  + Có kỹ năng tiếp cận, cập nhật thông tin phục vụ cho hoạt động nghiên cứu;  + Có khả năng tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và hoạt động nghề nghiệp;  + Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, linh hoạt giải quyết các vấn đề nãy sinh trong thực tiễn quản lý nhà nước và hoạt động nghề nghiệp;  + Có khả năng giao tiếp, hội nhập, thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc, các mối quan hệ xã hội khác nhau.  - *Trình độ ngoại ngữ:* đạt trình độ tiếng Anh bậc 2/6 (theo khung năng lực tiếng Anh 6 bậc cho người Việt); có thể đọc và hiểu được các ý chính trong các chủ đề quen thuộc trên lĩnh vực hành chính, quản lý nhà nước |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập các học phần trong chương trình đào tạo; thư viện điện tử, hệ thống internet và cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu.  - Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ sinh viên đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện.  - Có đội ngũ cố vấn học tập.  - Có các hoạt động thực tập, thực tế chuyên môn. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Giáo dục chính trị hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Học thạc sĩ các ngành Quản lý kinh tế, Luật, các ngành khoa học chính trị. |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  |  | - Công chức, viên chức làm việc trong hệ thống chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở;  - Công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước (ban, ngành, sở, phòng, trung tâm..), cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp các cấp;  - Công chức, viên chức làm việc trong hệ thống chính trị, các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang… |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Tâm lý học giáo dục (MS:7310403)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Tốt nghiệp THPT |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | **+ Kiến thức**  - Có các kiến thức cơ bản và hệ thống về tâm lý người, sự phát triển tâm lý, nhân cách cá nhân;  - Các kiến thức về tham vấn, chuẩn đoán tâm lý, nguyên tắc, phương pháp giáo dục để hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ, giáo dục trẻ khuyết tật, định hướng nghề nghiệp và tư vấn tâm lí cho học sinh phổ thông, các cá nhân tại các trung tâm tư vấn.  - Kiến thức cơ bản về phương pháp tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học tâm lý giáo dục.  **+ Kỹ năng**  - Có kỹ năng tổ chức các hoạt dộng giáo dục, các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản:Kỹ năng tham vấn, chuẩn đoán tâm lý, kỹ năng giáo dục, kỹ năng tổ chức, quản lý và lãnh đạo…, kỹ năng tổ chức nghiên cứu các vấn đề của Tâm lý học giáo dục vào thực tiễn xã hội;  - Biết vận dụng các kiến thức được đào tạo vào làm việc và nghiên cứu tại các cơ quan đoàn thể xã hội, các cơ sở đào tạo, các cơ sở nghiên cứu, các trung tâm tư vấn, các cơ sở sản xuất kinh doanh.  **+ Thái độ**  - Có thái độ tích cực chủ động trong việc rèn luyện các phẩm chất nhân cách.  - Có tình cảm nghề nghiệp, trân trọng và phát huy các giá trị nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề nghiệp.  **+ Trình độ ngoại ngữ, tin học**  Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt trình độ:  - Tiếng Anh: Bậc 2 trên khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (từ khóa 33 đến khóa 38).  Từ khóa 39 trở về sau: Bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR).  - Tin học: thành thạo tin học văn phòng. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Được xét học bổng khi kết quả học tập đạt loại Khá, Giỏi.  - Được hưởng chế độ hộ nghèo, vùng sâu, người dân tộc, con thương binh liệt sĩ theo qui định của Nhà nước.  - Được miễn phí các tiện ích: wifi, thư viện. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Tâm lý học giáo dục hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Có đủ điền kiện thi tuyển ThS và NCS ngành Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục trong và ngoài nước. |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  |  | * - Giáo viên TLGD các trường sư phạm, các trường dạy nghề * - Giáo viên giáo dục hướng nghiệp và hoạt động ngoàigiờ lên lớp, giáo dục đạo đức ở các trường phổ thông.   - Làm việc tại các trung tâm, các cơ quan đoàn thể xã hội, các cơ quan truyền thông, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường học.  -Tại các cơ sở nghiên cứu về lĩnh vực Tâm lý giáo dục: Viện nghiên cứu sư phạm, Viện nghiên cứu giáo dục, Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý học, Trung tâm nghiên cứu dư luận xã hội …  - Có thể làm việc tại các trung tâm tư vấn tâm lý , viện sức khỏe tâm thần và các bộ phận nghiên cứu tâm lý khách hàng ở các công ty, phòng ban tuyển dụng nhân sự… |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Đông phương học** **(MS:7310608)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | ***-Kiến thức***  + Người học hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, về kiến thức quốc phòng-an ninh;  + Người học thông hiểu những kiến thức cơ bản, có hệ thống về Đông phương học và chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, chính trị, kinh tế-xã hội của nước học chuyên sâu là Trung Quốc/Nhật bản.  + Nắm vững các nghiệp vụ chính yếu của ngành học như: nghiệp vụ văn phòng, nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ ngoại thương, biên dịch, phiên dịch, phương pháp dạy tiếng...  ***-Kỹ năng***  + Rèn luyện năng lực vận dụng những kiến thức đã học phục vụ cho công tác nghiên cứu lịch sử và hoạt động xã hội. Đặc biệt là năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.  + Thông hiểu tiếng đất nước học chuyên sâu là tiếng Trung/Nhật bản với các kỹ năng: giao tiếp (nói), phiên dịch và biên dịch.  ***-Trình độ ngoại ngữ, tin học***  + Trình độ Tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương cấp độ B1 theo Khung CEFR) hoặc trình độ tiếng Trung (chuyên ngành Trung quốc học) / tiếng Nhật (chuyên ngành Nhật bản học) theo quy định.  + Có trình độ tin học cơ bản, sử dụng tốt các phần mềm soạn thảo các loại văn bản văn phòng chuyên môn... |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Tổ chức Tuần sinh hoạt đầu khóa cho sinh viên năm thứ 1 nhằm cung cấp các văn bản hướng dẫn về mục tiêu đào tạo, điều kiện dự thi kết thúc từng học phần và điều kiện dự thi tốt nghiệp cũng như các văn bản liên quan khác.  - Đôn đốc các cố vấn học tập theo sát và hỗ trợ đắc lực cho sinh viên trong học tập. Tổ chức các buổi học ngoại khóa rèn luyện các kỹ năng mềm, nhất là kỹ năng giao tiếp bằng bản ngữ đất nước học chuyên ngành và đợt thực tế chuyên môn (tham quan, thâm nhập thực tiễn các di tích văn hóa có yếu tố Trung Quốc/Nhật Bản, các doanh nghiệp, các cộng đồng người Trung Quốc/Nhật bản trên địa bàn tỉnh Bình Định và trên cả nước hoặc có cơ hội thì sang tham quan 2 nước trên) và thực tập tốt nghiệp (theo các nghiệp vụ được trang bị).  - Là ngành học theo hướng ứng dụng nên chương trình đào tạo đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với chuyên môn như Câu lạc bộ quan hệ quốc tế, Gặp gỡ chuyên gia, gặp gỡ giao lưu với sinh viên các nước nói trên... Tổ chức các nhóm sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học và hướng dẫn các sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.  - Tổ chức các hoạt động biểu diễn văn nghệ, thi đấu thể thao, thi Tìm kiếm tài năng MC... trong sinh viên để lựa chọn nhân tài và tạo không khí lành mạnh.  - Đảm bảo trật tự, an toàn cho sinh viên và khen thưởng kịp thời các sinh viên có thành tích trong học tập, rèn luyện... |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Đông phương học (chuyên ngành Trung Quốc học/ Nhật bản học) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học cao hơn: Thạc sỹ, Tiến sĩ ở trong và ngoài nước. |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  |  | - Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Trung Quốc học/Nhật bản học có cơ hội trải nghiệm nhiều mảng công tác liên quan đến lịch sử, chính trị, văn hóa, kinh tế, ngôn ngữ...gắn với kiến thức về từng quốc gia Trung Quốc/Nhật bản.  - Với bằng cấp Cử nhân Trung Quốc học/Nhật bản học, có thể đảm nhận các vị trí như:  + Cán bộ phụ trách các mảng liên quan đến lĩnh vực lịch sử, văn hóa, xã hội, ngoại giao hoặc làm chuyên viên ngoại giao, quan hệ quốc tế;  + Phiên dịch viên, giao dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, biên tập viên, trợ lý Giám đốc, thư ký tổng hợp;  + Giảng viên dạy tiếng Trung/Nhật hoặc giảng dạy và nghiên cứu về lịch sử, văn hóa phương Đông, đặc biệt về đất nước Trung Quốc/Nhật bản… |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Việt Nam học (MS:7310630)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Mục tiêu kiến thức:  + Người học được trang bị có hệ thống và sâu rộng những kiến thức cơ bản về văn hóa, du lịch Việt Nam và thế giới, về văn học, ngôn ngữ lịch sử, địa lí, kinh tế, hệ thống chính trị của Việt Nam…  + Ngoài ra, các kiến thức bổ trợ về nghiệp vụ lữ hành, du lịch và quản trị du lịch cũng được tăng cường và thực hành thường xuyên, có hệ thống.  - Kĩ năng:  + Kĩ năng mềm: Người học ngành Việt Nam học (Văn hóa du lịch) có kĩ năng tốt trong giao tiếp, thuyết trình các chuyên đề cụ thể về các lĩnh vực liên quan đến văn hoá, du lịch và lữ hành, tham gia và tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, du lịch…  + Kĩ năng chuyên môn: Ngành Việt Nam học (Văn hóa-du lịch) đào tạo sinh viên có kĩ năng và phẩm chất cần thiết để trở thành những hướng dẫn viên du lịch, thiết kế, quản trị và quảng bá tour du lịch, quản lí nhà hàng, khách sạn; nghiên cứu, quản lí và tổ chức các hoạt động tìm hiểu về văn hóa một cách hiệu quả.  - Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). Áp dụng đối với sinh viên từ khóa 39 trở đi. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Thực tập nhận thức về văn hoá, nghiệp vụ du lịch lữ hành, thực tập chuyên môn nghiệp vụ.  - Các hoạt động ngoại khóa như Hội thi nghiệp vụ Du lịch, - Lữ hành, Tôi yêu nghề hướng dẫn viên, Tìm hiểu về văn hoá các địa phương ở Việt Nam…  - Tăng cường hoạt động Đoàn – Hội theo hướng phát huy tính năng động, sáng tạo, rèn luyện kĩ năng mềm cho sinh viên. Đặc biệt là kĩ năng giao tiếp, thuyết trình du lịch, văn hoá.  - Tăng cường các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, hoạt động tình nguyện hè, hoạt động thiện nguyện…  - Có đầy đủ hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng phục vụ cho việc dạy học chuyên ngành.  - Hệ thống máy chiếu, âm thanh phục vụ đào tạo  - Thư viện nhà trường và thư viện của khoa có đủ sách tham khảo, báo, tạp chí, giáo trình, luận án, luận văn, khóa luận và các tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập chuyên ngành. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | - Chương trình đào tạo đại học ngành Việt Nam học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi ra trường, người học có khả năng công tác trên các lĩnh vực kinh tế và xã hội - nhân văn gắn với ngôn ngữ và văn hóa du lịch Việt Nam, cụ thể:  + Nghiên cứu về Việt Nam học; Tham gia công tác quản lý du lịch Việt Nam; Hướng dẫn du lịch Việt Nam; Tham gia công tác trong các cơ quan văn hóa, du lịch; Làm việc trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế.  +Làm việc trong các văn phòng văn hoá, các cơ quan đại diện, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong nước hoặc nước ngoài. Ngoài ra, họ còn có thể làm công tác giảng dạy tiếng Việt, phiên dịch hoặc có định hướng theo đuổi con đường học vấn sau đại học: Thạc sĩ, Tiến sĩ các chuyên ngành Ngữ văn, Lịch sử, Kinh tế, Du lịch, Đông phương học, Văn hóa học, v.v. |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  |  | - Hướng dẫn viên du lịch tại Sở Du lịch, các Trung tâm lữ hành và dịch vụ du lịch  - Chuyên viên văn hoá tại các Sở, ban ngành thuộc khối hành chính sự nghiệp  - Chuyên viên nghiên cứu tại Viện Văn hoá, Viện Việt Nam học  - Chuyên viên văn hoá Việt Nam tại các cơ quan tổ chức ngoại giao, các tổ chức quốc tế |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh (MS: 7340101)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. | Theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - ***Kiến thức:*** Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh; nắm vững nghiệp vụ và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh.  ***- Kỹ năng:***  ***+ Kỹ năng mềm:*** có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch - mục tiêu; kỹ năng tư duy hiệu quả;..  ***+ Kỹ năng chuyên môn:*** Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành quản trị kinh doanh trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có năng lực dẫn dắt chuyên môn quản trị kinh doanh để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền. Cụ thể sinh viên khi tốt nghiệp có những kỹ năng:   * *Chuyên ngành QTKD tổng hợp*: kỹ năng quản lý doanh nghiệp, bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý sản xuất; quản lý dự án; quản lý tài chính;.. kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng bán hàng; phân tích hiệu quả kinh doanh,… * *Chuyên ngành QTKD Du lịch*: kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực du lịch dịch vụ, bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng phục vụ và quản lý phục vụ trong nhà hàng, khách sạn; kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng xây dựng sản phẩm du lịch; tổ chức các lễ hội, sự kiện du lịch; hướng dẫn du lịch; phân tích hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực du lịch,.. * *Chuyên ngành Quản trị Marketing*: Kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực marketing, bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; phân tích môi trường kinh doanh, dự báo nhu cầu thị trường, xây dựng các chiến lược thị trường; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động nghiên cứu thị trường, nghiên cứu hành vi, nhu cầu khách hàng, tổ chức hệ thống thông tin Marketing; quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch marketing - mix như kế hoạch phát triển sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu, kế hoạch phân phối, kế hoạch truyền thông marketing, quảng cáo; tổ chức thực hiện các hoạt động quan hệ khách hàng, tổ chức nghiệp vụ bán hàng; có khả năng định giá, kích thích tiêu thụ, quan hệ công chúng, chăm sóc khách hàng, hoạch định hệ thống phân phối, nghiên cứu thị trường và triển khai các hoạt động R&D...; * *Chuyên ngành QTKD Thương mại*: Kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; phân tích môi trường kinh doanh, dự báo nhu cầu thị trường, xây dựng các chiến lược thị trường; có kỹ năng quản lý doanh nghiệp thương mại; có khả năng đàm phán, hoạch định chiến lược kinh doanh; nhận biết các cơ hội và thách đố trong kinh doanh thương mại;.. kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch bán hàng; kỹ năng tổ chức lực lượng bán hàng và kiểm soát hoạt động bán,.. * *Chuyên ngành QTKD Quốc tế*: Kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; phân tích môi trường kinh doanh, dự báo nhu cầu thị trường, xây dựng các chiến lược thị trường; kỹ năng kinh doanh quốc tế; kỹ năng chuyên sâu về hợp đồng xuất nhập khẩu, đàm phán hợp đồng; kỹ năng giải quyết các tình huống liên quan đến hoạt động ngoại thương.   ***- Trình độ ngoại ngữ:*** Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu - CEFR).  - ***Trình độ tin học***: đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. | - ***Kiến thức:*** Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh; nắm vững nghiệp vụ và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh.  ***- Kỹ năng:***  ***+ Kỹ năng mềm:*** có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch - mục tiêu; kỹ năng tư duy hiệu quả;..  ***+ Kỹ năng chuyên môn:*** Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành quản trị kinh doanh trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có năng lực dẫn dắt chuyên môn quản trị kinh doanh để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền. Cụ thể sinh viên khi tốt nghiệp có những kỹ năng:   * *Chuyên ngành QTKD tổng hợp*: Kỹ năng quản lý doanh nghiệp, bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng quản lý sản xuất; quản lý dự án; quản lý tài chính;.. kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng bán hàng; phân tích hiệu quả kinh doanh,… * *Chuyên ngành QTKD Du lịch*: Kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực du lịch dịch vụ, bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng phục vụ và quản lý phục vụ trong nhà hàng, khách sạn; kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, kỹ năng xây dựng sản phẩm du lịch; tổ chức các lễ hội, sự kiện du lịch; hướng dẫn du lịch; phân tích hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực du lịch,.. * *Chuyên ngành Quản trị Marketing*: Kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; phân tích môi trường kinh doanh, dự báo nhu cầu thị trường, xây dựng các chiến lược thị trường; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động nghiên cứu thị trường, nghiên cứu hành vi, nhu cầu khách hàng, tổ chức hệ thống thông tin Marketing; quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch marketing - mix như kế hoạch phát triển sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu, kế hoạch phân phối, kế hoạch truyền thông marketing, quảng cáo; tổ chức thực hiện các hoạt động quan hệ khách hàng, tổ chức nghiệp vụ bán hàng; có khả năng định giá, kích thích tiêu thụ, quan hệ công chúng, chăm sóc khách hàng, hoạch định hệ thống phân phối, nghiên cứu thị trường và triển khai các hoạt động R&D...; * *Chuyên ngành QTKD Thương mại*: Kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; phân tích môi trường kinh doanh, dự báo nhu cầu thị trường, xây dựng các chiến lược thị trường; có kỹ năng quản lý doanh nghiệp thương mại; có khả năng đàm phán, hoạch định chiến lược kinh doanh; nhận biết các cơ hội và thách đố trong kinh doanh thương mại;.. kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch bán hàng; kỹ năng tổ chức lực lượng bán hàng và kiểm soát hoạt động bán,.. * *Chuyên ngành QTKD Quốc tế*: Kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; phân tích môi trường kinh doanh, dự báo nhu cầu thị trường, xây dựng các chiến lược thị trường; kỹ năng kinh doanh quốc tế; kỹ năng chuyên sâu về hợp đồng xuất nhập khẩu, đàm phán hợp đồng; kỹ năng giải quyết các tình huống liên quan đến hoạt động ngoại thương.   ***- Trình độ ngoại ngữ:*** Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu - CEFR).  - ***Trình độ tin học***: đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | \* Cơ sở vật chất  - Có đầy đủ hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng phục vụ cho việc dạy học chuyên ngành.  - Phòng học có đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy học như âm thanh, máy chiếu,...  - Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường có nhiều sách, giáo trình, khóa luận, tạp chí khoa học, tài liệu đủ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập chuyên ngành; và thư viện điện tử.  \* Hỗ trợ người học  - Thực tập thực tế;  - Các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ thuyết trình, cuộc thi kỹ năng thuyết trình thuyết phục, cuộc thi thắp sáng tài năng kinh doanh, Hội chợ nghiệp vụ…  - Tăng cường các hoạt động giao lưu với các doanh nghiệp, các ngân hàng; với những học giả, doanh nhân thành đạt;  - Phát triển hoạt động Đoàn – Hội theo hướng phát huy tính sáng tạo và tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;  - Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động tình nguyện;… | \* Cơ sở vật chất  - Có đầy đủ hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng phục vụ cho việc dạy học chuyên ngành.  - Phòng học có đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy học như âm thanh, máy chiếu,...  - Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường có nhiều sách, giáo trình, khóa luận, tạp chí khoa học, tài liệu đủ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập chuyên ngành; và thư viện điện tử.  \* Hỗ trợ người học  - Thực tập thực tế;  - Các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ thuyết trình, cuộc thi kỹ năng thuyết trình thuyết phục, cuộc thi thắp sáng tài năng kinh doanh, Hội chợ nghiệp vụ…  - Tăng cường các hoạt động giao lưu với các doanh nghiệp, các ngân hàng; với những học giả, doanh nhân thành đạt;  - Phát triển hoạt động Đoàn – Hội theo hướng phát huy tính sáng tạo và tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;  - Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động tình nguyện;… |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Có khả năng tham gia học sau đại học ở tất cả trường ĐH trong nước và nước ngoài | Có khả năng tham gia học sau đại học ở tất cả trường ĐH trong nước và nước ngoài. |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | * *Chuyên ngành QTKD tổng hợp*: Nơi làm việc thích hợp: Thành lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; các chuyên viên làm việc tại các phòng ban chức năng của doanh nghiệp như: phòng kinh doanh, phòng kế hoạch, phòng marketing, phòng tổ chức nhân sự hoặc thư ký giúp việc cho các nhà quản lý các cấp trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp; doanh nhân hay các giám đốc điều hành chuyên nghiệp ở tất cả các loại hình tổ chức kinh doanh trong nước và nước ngoài; làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý, kinh doanh với vai trò quản trị và điều hành kinh doanh; giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. * *Chuyên ngành QTKD Du lịch:* Thành lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; chuyên viên làm việc tại bộ phận quan hệ khách hàng của các doanh nghiệp thương mại; phòng dịch vụ của các ngân hàng thương mại; các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ; khách sạn, nhà hàng; công ty du lịch, công ty lữ hành; chu du lịch, điểm du lịch; bảo tàng; cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch - dịch vụ: Ủy ban nhân dân các cấp, các sở ngành,.. ; giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. * *Chuyên ngành Quản trị Marketing:* Thành lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; phòng Marketing, phòng Kinh doanh, bộ phận bán hàng các công ty; công ty quảng cáo; công ty tổ chức sự kiện; công ty nghiên cứu thị trường; bộ phận marketing và quan hệ khách hàng của các ngân hàng thương mại,.. ; giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị marketing tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. * *Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Thương mại:* Thành lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; phòng Kinh doanh, bộ phận bán hàng các công ty; công ty tổ chức sự kiện, hội chợ thương mại; các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại,.. ; giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị thương mại tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.   *Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Quốc tế:* Thành lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; các doanh nghiệp, các đơn vị có hoạt động ngoại thương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; phòng kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp; phòng thanh toán quốc tế của các ngân hàng thương mại; các chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty nước ngoài ở Việt Nam hoặc công ty Việt Nam ở nước ngoài; cơ quan hợp tác quốc tế, tổ chức quốc tế; cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến ngoại giao…; giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị thương mại tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. | * *Chuyên ngành QTKD tổng hợp*: Nơi làm việc thích hợp: Có khả năng lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; có thể trở thành các chuyên viên làm việc tại các phòng ban chức năng của doanh nghiệp như: phòng kinh doanh, phòng kế hoạch, phòng marketing, phòng tổ chức nhân sự hoặc thư ký giúp việc cho các nhà quản lý các cấp trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp; có thể trở thành các doanh nhân hay các giám đốc điều hành chuyên nghiệp ở tất cả các loại hình tổ chức kinh doanh trong nước và nước ngoài; có khả năng được tiếp nhận và làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế, quản lý, kinh doanh với vai trò quản trị và điều hành kinh doanh; có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. * *Chuyên ngành QTKD Du lịch:* Nơi làm việc thích hợp: Có khả năng lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; có thể trở thành các chuyên viên làm việc tại bộ phận quan hệ khách hàng của các doanh nghiệp thương mại; phòng dịch vụ của các ngân hàng thương mại; các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ; khách sạn, nhà hàng; công ty du lịch, công ty lữ hành; chu du lịch, điểm du lịch; bảo tàng; cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch - dịch vụ: Ủy ban nhân dân các cấp, các sở ngành,.. Có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. * *Chuyên ngành Quản trị Marketing:* Nơi làm việc thích hợp: Có khả năng lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; phòng Marketing, phòng Kinh doanh, bộ phận bán hàng các công ty; công ty quảng cáo; công ty tổ chức sự kiện; công ty nghiên cứu thị trường; bộ phận marketing và quan hệ khách hàng của các ngân hàng thương mại,.. Có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị marketing tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. * *Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Thương mại:* Lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; phòng Kinh doanh, bộ phận bán hàng các công ty; công ty tổ chức sự kiện, hội chợ thương mại; các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại,.. ; giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị thương mại tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.   *Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Quốc tế:* lập, điều hành và quản lý doanh nghiệp; các doanh nghiệp, các đơn vị có hoạt động ngoại thương; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; phòng kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp; phòng thanh toán quốc tế của các ngân hàng thương mại; các chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty nước ngoài ở Việt Nam hoặc công ty Việt Nam ở nước ngoài; cơ quan hợp tác quốc tế, tổ chức quốc tế; cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến ngoại giao…; giảng dạy và nghiên cứu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị thương mại tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp. |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Tài chính Ngân hàng (MS:7340201)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. | Theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - ***Kiến thức:*** Người học được trang bị có hệ thống và sâu rộng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về tài chính - ngân hàng; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; nắm vững nghiệp vụ và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng.  - ***Kỹ năng:***  + *Kỹ năng mềm:* Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch - mục tiêu; kỹ năng tư duy hiệu quả;..  + *Kỹ năng chuyên môn*:   * Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Tài chính - Ngân hàng trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có năng lực dẫn dắt chuyên môn tài chính - ngân hàng để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền. Cụ thể: * *Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp:* Kỹ năng quản trị doanh nghiệp và quản lý tài chính doanh nghiệp; kỹ năng lập kế hoạch tài chính; kỹ năng phân tích tài chính; Lập ngân sách vốn, thẩm định dự án; kỹ năng phân tích và đầu tư chứng khoán; kỹ năng quản trị rủi ro tài chính,.. * *Chuyên ngành Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ:* Kỹ năng thẩm định tín dụng; kỹ năng thanh toán quốc tế; kỹ năng kinh doanh ngoại hối; lập ngân sách vốn, thẩm định dự án; kỹ năng kế toán ngân hàng; Kỹ năng phân tích thị trường tài chính: thị trường vốn, khảo sát, nghiên cứu thị trường để hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm tra; thiết lập, thẩm định và quản lý dự án đầu tư tài chính, có nghiệp vụ về ngân quỹ và các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng,.. Kỹ năng thẩm định tín dụng; kỹ năng thanh toán quốc tế; kỹ năng kinh doanh ngoại hối; lập ngân sách vốn, thẩm định dự án; kỹ năng kế toán ngân hàng. * *Chuyên ngành Quản lý Tài chính - Kế toán:* Kỹ năng lập, đọc và phân tích chuyên sâu các báo cáo tài chính; kỹ năng tổ chức bộ máy kế toán doanh nghiệp; kỹ năng quản lý hệ thống thông tin kế toán trong các đơn vị; kỹ năng phân tích thị trường tài chính, thị trường vốn, khảo sát, nghiên cứu thị trường để hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra; thiết lập, thẩm định và quản lý dự án đầu tư tài chính, có nghiệp vụ về ngân quỹ và các nghiệp vụ kế toán ngân hàng; kỹ năng của kế toán trưởng; kỹ năng lập kế hoạch tài chính, thực hành kế toán và kiểm soát thuế. * *Chuyên ngành Đầu tư và Bảo hiểm:* Kỹ năng đầu tư tài chính; kỹ năng lập, thẩm định dự án và quản lý dự án; thực hiện hiệu quả các nghiệp vụ đầu tư tại các doanh nghiệp, các công ty tài chính và các cơ quan quản lý đầu tư,.. Kỹ năng phân tích và thực hiện các hợp đồng bảo hiểm thương mại, bảo hiểm xã hội; kỹ năng phân tích thị trường tài chính, thị trường vốn, khảo sát, nghiên cứu thị trường để hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra;… * *Chuyên ngành Tài chính công và Quản lý thuế:* Kỹ năng quản lý thuế, quản lý tài chính - kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp; kỹ năng lập các báo cáo thuế/các tờ khai thuế cho các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp; tính đúng và đủ các khoản thuế phải nộp; kỹ năng tư vấn thuế cho các doanh nghiệp; kỹ năng quản lý tài chính các đơn vị công; thẩm định dự án đầu tư khu vực công.   - ***Trình độ ngoại ngữ:*** Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu - CEFR).  - ***Trình độ tin học:*** Đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. | - ***Kiến thức:*** Người học được trang bị có hệ thống và sâu rộng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về tài chính - ngân hàng; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; nắm vững nghiệp vụ và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng.  - ***Kỹ năng:***  + *Kỹ năng mềm:* Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch - mục tiêu; kỹ năng tư duy hiệu quả;..  + *Kỹ năng chuyên môn*:  Sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Tài chính - Ngân hàng trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có năng lực dẫn dắt chuyên môn tài chính - ngân hàng để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền. Cụ thể sinh viên khi tốt nghiệp phải có những kỹ năng quan trọng mà một cử nhân Tài chính - Ngân hàng cần phải có:   * *Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp:* Kỹ năng quản trị doanh nghiệp và quản lý tài chính doanh nghiệp; kỹ năng lập kế hoạch tài chính; kỹ năng phân tích tài chính; Lập ngân sách vốn, thẩm định dự án; kỹ năng phân tích và đầu tư chứng khoán; kỹ năng quản trị rủi ro tài chính,.. * *Chuyên ngành Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ:* Kỹ năng thẩm định tín dụng; kỹ năng thanh toán quốc tế; kỹ năng kinh doanh ngoại hối; lập ngân sách vốn, thẩm định dự án; kỹ năng kế toán ngân hàng; Kỹ năng phân tích thị trường tài chính: thị trường vốn, khảo sát, nghiên cứu thị trường để hoạch định, tổ chức, thực hiện và kiểm tra; thiết lập, thẩm định và quản lý dự án đầu tư tài chính, có nghiệp vụ về ngân quỹ và các nghiệp vụ thanh toán qua ngân hàng,.. Kỹ năng thẩm định tín dụng; kỹ năng thanh toán quốc tế; kỹ năng kinh doanh ngoại hối; lập ngân sách vốn, thẩm định dự án; kỹ năng kế toán ngân hàng. * *Chuyên ngành Quản lý Tài chính - Kế toán:* Kỹ năng lập, đọc và phân tích chuyên sâu các báo cáo tài chính; kỹ năng tổ chức bộ máy kế toán doanh nghiệp; kỹ năng quản lý hệ thống thông tin kế toán trong các đơn vị; kỹ năng phân tích thị trường tài chính, thị trường vốn, khảo sát, nghiên cứu thị trường để hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra; thiết lập, thẩm định và quản lý dự án đầu tư tài chính, có nghiệp vụ về ngân quỹ và các nghiệp vụ kế toán ngân hàng; kỹ năng của kế toán trưởng; kỹ năng lập kế hoạch tài chính, thực hành kế toán và kiểm soát thuế. * *Chuyên ngành Đầu tư và Bảo hiểm:* Kỹ năng đầu tư tài chính; kỹ năng lập, thẩm định dự án và quản lý dự án; thực hiện hiệu quả các nghiệp vụ đầu tư tại các doanh nghiệp, các công ty tài chính và các cơ quan quản lý đầu tư,.. Kỹ năng phân tích và thực hiện các hợp đồng bảo hiểm thương mại, bảo hiểm xã hội; kỹ năng phân tích thị trường tài chính, thị trường vốn, khảo sát, nghiên cứu thị trường để hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra;… * *Chuyên ngành Tài chính công và Quản lý thuế:* Kỹ năng quản lý thuế, quản lý tài chính - kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp; kỹ năng lập các báo cáo thuế/các tờ khai thuế cho các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp; tính đúng và đủ các khoản thuế phải nộp; kỹ năng tư vấn thuế cho các doanh nghiệp; kỹ năng quản lý tài chính các đơn vị công; thẩm định dự án đầu tư khu vực công.   - ***Trình độ ngoại ngữ:*** Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu - CEFR).  - ***Trình độ tin học:*** Đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | \* Cơ sở vật chất  - Có đầy đủ hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng phục vụ cho việc dạy học chuyên ngành.  - Phòng học có đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy học như âm thanh, máy chiếu,...  - Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường có nhiều sách, giáo trình, khóa luận, tạp chí khoa học, tài liệu đủ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập chuyên ngành; và thư viện điện tử.  \* Hỗ trợ người học  - Thực tập thực tế;  - Các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ thuyết trình, cuộc thi kỹ năng thuyết trình thuyết phục, cuộc thi thắp sáng tài năng kinh doanh, Hội chợ nghiệp vụ…  - Tăng cường các hoạt động giao lưu với các doanh nghiệp, các ngân hàng; với những học giả, doanh nhân thành đạt;  - Phát triển hoạt động Đoàn – Hội theo hướng phát huy tính sáng tạo và tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;  - Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động tình nguyện;… | \* Cơ sở vật chất  - Có đầy đủ hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng phục vụ cho việc dạy học chuyên ngành.  - Phòng học có đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy học như âm thanh, máy chiếu,...  - Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường có nhiều sách, giáo trình, khóa luận, tạp chí khoa học, tài liệu đủ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập chuyên ngành; và thư viện điện tử.  \* Hỗ trợ người học  - Thực tập thực tế;  - Các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ thuyết trình, cuộc thi kỹ năng thuyết trình thuyết phục, cuộc thi thắp sáng tài năng kinh doanh, Hội chợ nghiệp vụ…  - Tăng cường các hoạt động giao lưu với các doanh nghiệp, các ngân hàng; với những học giả, doanh nhân thành đạt;  - Phát triển hoạt động Đoàn – Hội theo hướng phát huy tính sáng tạo và tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;  - Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động tình nguyện;… |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính ngân hàng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Tài chính ngân hàng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Có khả năng tham gia học sau đại học ở tất cả trường ĐH trong nước và nước ngoài | Có khả năng tham gia học sau đại học ở tất cả trường ĐH trong nước và nước ngoài |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | * *Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp:* Công ty tài chính; công ty chứng khoán; bộ phận tài chính - kế toán của các doanh nghiệp; phòng tài chính - kế toán của các ngân hàng thương mại,.. ; chuyên viên thẩm định dự án đầu tư; chuyên viên môi giới, phân tích, dự báo tại các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, chuyên viên kiểm toán nội bộ, kiểm soát rủi ro tại các định chế tài chính; chuyên viên phòng kinh doanh, phòng kế hoạch tài chính, phòng quản trị tài chính của các doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia; giảng viên các môn Tài chính doanh nghiệp, Tài chính - Tiền tệ, Phân tích tài chính, Thị trường chứng khoán,.. tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng. * *Chuyên ngành Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ:* Ngân hàng Thương mại; Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng khác,.. chuyên viên thẩm định tín dụng, thẩm định dự án đầu tư, chuyên viên phòng huy động vốn, chuyên viên dịch vụ khách hàng. Chuyên viên phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng tại các cơ quan quản lý nhà nước như: Ngân hàng Nhà nước, Vụ chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối, Vụ chiến lược ngân hàng, Vụ Tài chính, Ngân hàng của Bộ Tài chính. Giảng viên các môn Tài chính Tiền tệ, Ngân hàng thương mại, quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, Tín dụng ngân hàng, Kế toán Ngân hàng,.. tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. * *Chuyên ngành Quản lý Tài chính - Kế toán:* Chuyên viên Phòng Tài chính - kế toán của các doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp; chuyên viên Công ty kiểm toán; Bộ Tài chính; Sở Tài chính; phòng Tài chính của thành phố, huyện, xã, phường;.. Giảng viên các môn tài chính và kế toán tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có chuyên ngành Kế toán - Tài chính - Ngân hàng. * *Chuyên ngành Đầu tư và Bảo hiểm:* Chuyên viên công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Chuyên viên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Trung tâm xúc tiến đầu tư. Bộ phận thẩm định dự án của Ngân hàng thương mại; Phòng dự án của các doanh nghiệp; các Dự án quốc tế; Ban quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Ban quản lý dự án các tỉnh, thành phố. Chuyên viên các công ty bảo hiểm; các ngân hàng thương mại. Giảng viên các môn học Đầu tư và Bảo hiểm tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có chuyên ngành Kế toán - Tài chính - Ngân hàng - Quản trị kinh doanh.   *Chuyên ngành Tài chính công và Quản lý thuế:* Chuyên viên cơ quan quản lý thuế của Nhà nước (Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế, Phòng thuế); Chuyên viên Sở Tài chính, Phòng Tài chính; Kho Bạc Nhà nước; cơ quan Hải quan; chuyên viên Bộ phận tài chính kế toán của các doanh nghiệp; Kế toán thuế cho các doanh nghiệp,.. Giảng viên các môn liên quan đến Tài chính – Ngân hàng và Tài chính công và Quản lý thuế tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có các chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. | * *Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp:* Công ty tài chính; công ty chứng khoán; bộ phận tài chính - kế toán của các doanh nghiệp; phòng tài chính - kế toán của các ngân hàng thương mại,.. chuyên viên thẩm định dự án đầu tư; chuyên viên môi giới, phân tích, dự báo tại các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, chuyên viên kiểm toán nội bộ, kiểm soát rủi ro tại các định chế tài chính; chuyên viên phòng kinh doanh, phòng kế hoạch tài chính, phòng quản trị tài chính của các doanh nghiệp, các công ty đa quốc gia; giảng viên các môn Tài chính doanh nghiệp, Tài chính - Tiền tệ, Phân tích tài chính, Thị trường chứng khoán,.. tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng. * *Chuyên ngành Ngân hàng và kinh doanh tiền tệ:* Ngân hàng Thương mại; Ngân hàng Nhà nước; các tổ chức tín dụng khác,.. chuyên viên thẩm định tín dụng, thẩm định dự án đầu tư, chuyên viên phòng huy động vốn, chuyên viên dịch vụ khách hàng. Chuyên viên phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng tại các cơ quan quản lý nhà nước như: Ngân hàng Nhà nước, Vụ chính sách tiền tệ, quản lý ngoại hối, Vụ chiến lược ngân hàng, Vụ Tài chính, Ngân hàng của Bộ Tài chính. Giảng viên các môn Tài chính Tiền tệ, Ngân hàng thương mại, quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, Tín dụng ngân hàng, Kế toán Ngân hàng,.. tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. * *Chuyên ngành Quản lý Tài chính - Kế toán:* Chuyên viên Phòng Tài chính - kế toán của các doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp; chuyên viên Công ty kiểm toán; Bộ Tài chính; Sở Tài chính; phòng Tài chính của thành phố, huyện, xã, phường;.. Giảng viên các môn tài chính và kế toán tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có chuyên ngành Kế toán - Tài chính - Ngân hàng. * *Chuyên ngành Đầu tư và Bảo hiểm:* Chuyên viên công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Chuyên viên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Trung tâm xúc tiến đầu tư. Bộ phận thẩm định dự án của Ngân hàng thương mại; Phòng dự án của các doanh nghiệp; các Dự án quốc tế; Ban quản lý Khu Kinh tế, Khu Công nghiệp, Ban quản lý dự án các tỉnh, thành phố. Chuyên viên các công ty bảo hiểm; các ngân hàng thương mại. Giảng viên các môn học Đầu tư và Bảo hiểm tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có chuyên ngành Kế toán - Tài chính - Ngân hàng - Quản trị kinh doanh.   *Chuyên ngành Tài chính công và Quản lý thuế:* Chuyên viên cơ quan quản lý thuế của Nhà nước (Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế, Phòng thuế); Chuyên viên Sở Tài chính, Phòng Tài chính; Kho Bạc Nhà nước; cơ quan Hải quan; chuyên viên Bộ phận tài chính kế toán của các doanh nghiệp; Kế toán thuế cho các doanh nghiệp,.. Giảng viên các môn liên quan đến Tài chính – Ngân hàng và Tài chính công và Quản lý thuế tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có các chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Kế toán (MS: 7340301, 8340301)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | - Tuyển sinh trên toàn quốc;  - Người dự thi tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, phù hợp hoặc ngành gần với chuyên ngành Kế toán. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Kế toán phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.  - Đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;  - Theo Quy định đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường. | - Học sinh đã tốt nghiệp THPT;  - Đạt các điều kiện quy định theo Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường;  - Trên ngưỡng điểm đầu vào quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | - Nắm vững kiến thức về kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán và tài chính; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán, tài chính, kiểm toán trong các đơn vị kế toán (các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, tổ chức tài chính,…); có năng lực tự nghiên cứu ứng dụng trong công việc và hướng dẫn công việc;  - Có chí hướng, đủ trình độ để có thể học tiếp bậc học Tiến sĩ;  - Có đủ khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học, phục vụ công việc sau khi tốt nghiệp;  - Có khả năng phối hợp nghiên cứu khoa học với các nhà khoa học ở trong nước và ngoài nước, tham gia vào các đề tài, chương trình nghiên cứu các cấp;  - Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày, đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành và đời sống có liên quan, đạt chuẩn tiếng Anh B1. | - Có kiến thức chung về kinh tế, chính trị, xã hội trong và ngoài nước; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán – kiểm toán; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán (doanh nghiệp, đơn vị dự toán, tổ chức tài chính trung gian); có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc;  - Có khả năng hoạt động độc lập và phối hợp hoạt động theo nhóm; có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có tầm nhìn sâu rộng và kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo;  - Có chí hướng, đủ trình độ để học ở bậc học cao hơn: Thạc sĩ, Tiến sĩ;  - Có đủ khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ thiết kế bài giảng môn học. Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo chuẩn kỹ năng thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông);  - Có thể sử dụng tiếng Anh đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành, đạt trình độ B1. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về học tập, sinh hoạt, các chủ trương chính sách của Nhà nước và nhà trường;  - Được tham gia sinh hoạt seminar chuyên môn, hội thảo khoa học;  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thực hành kế toán ảo, các trang thiết bị và cơ sở vật chất khác của Trường;  - Được tham gia các hoạt động ngoại khóa về chuyên môn nghiệp vụ, về văn nghệ, thể dục thể thao do Trường, Khoa tổ chức. | - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về học tập, sinh hoạt, các chủ trương chính sách của Nhà nước và Nhà trường;  - Được thực hiện các chế độ chính sách dành cho sinh viên do Nhà nước và Nhà trường ban hành như: học bổng chính sách, học bổng do các nhà tài trợ,..;  - Được tham gia nghiên cứu khoa học, hội thảo khoa học;  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thực hành kế toán ảo, các trang thiết bị và cơ sở vật chất khác của Trường;  - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể như: tổ chức Đoàn, Hội trong Trường và của Khoa;  - Được tham gia các câu lạc bộ Kinh tế - Kế toán, câu lạc bộ tiếng Anh, các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tình nguyện khác;  - Được hỗ trợ kịp thời đối với những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để tiếp tục đến trường. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kế toán hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Kế toán hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học Tiến sĩ ở trong và ngoài nước; cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán như: CPA Việt Nam, CPA Úc, ACCA, CFM,... | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học cao hơn: Thạc sĩ, Tiến sĩ ở trong và ngoài nước; cũng như học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán như: Chứng chỉ CPA Việt Nam, CPA Úc, ACCA, CFM,... |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  | Có khả năng làm việc trong các cơ quan, tổ chức kinh tế từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực tài chính, kế toán và kiểm toán; Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kế toán, kiểm toán tại các Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán. | Bộ phận kế toán, tài chính, kiểm toán trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; Khi được trang bị chứng chỉ nghề nghiệp có thể tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kế toán, kiểm toán tại các Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Luật (MS:7380101)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Tuyển sinh theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - *Kiến thức*:  + Nắm vững kiến thức cơ bản, toàn diện, hiện đại của luật học về ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam  + Nắm bắt những vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế trong nhiều lĩnh vực như lãnh thổ, quốc tịch, ngoại giao, lãnh sự, luật biển quốc tế…  + Nắm vững những kiến thức pháp lý chuyên sâu trong lĩnh vực hình sự, dân sự, hành chính, thương mại, quốc tế…  + Có kiến thức cơ bản và khả năng phát triển kiến thức mới để tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn và chương trình đào tạo nghề chuyên sâu  - *Kỹ năng*:  + Có khả năng vận dụng tốt những kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề pháp lý của thực tiễn xã hội cũng như việc nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu trong các lĩnh vực đặc thù của nghề luật;  + Trang bị cho người học khả năng phân tích tình huống pháp lý trong thực tiễn, vận dụng pháp luật nhạy bén, linh hoạt trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau;  + Rèn luyện cho người học khả năng nắm bắt được xu hướng thay đổi của pháp luật trong sự phát triển năng động của đời sống xã hội;  + Có khả năng làm việc độc lập, tự tin dưới áp lực cao đồng thời có thể phối hợp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, linh hoạt giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp;  + Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, linh hoạt giải quyết các vấn đề nãy sinh trong thực tiễn quản lý nhà nước và hoạt động nghề nghiệp;  + Có khả năng giao tiếp, hội nhập, thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc, các mối quan hệ xã hội khác nhau.  - *Trình độ ngoại ngữ:* đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 (theo khung năng lực tiếng Anh 6 bậc cho người Việt); có thể đọc và hiểu được các ý chính trong các chủ đề quen thuộc trên lĩnh vực pháp luật; |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập các học phần trong chương trình đào tạo; thư viện điện tử, hệ thống internet và cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu.  - Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ sinh viên đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện.  - Có đội ngũ cố vấn học tập.  - Có các hoạt động thực tập, thực tế chuyên môn. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Luật hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Học cao học, tiến sĩ chuyên ngành Luật học, Luật kinh tế, Luật dân sự, Luật quốc tế... |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Làm việc tại Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp;  - Làm luật sư tư vấn hoặc tranh tụng;  - Làm quản lý hoặc cố vấn pháp lý trong các doanh nghiệp, tập đoàn, công ty, tổ chức trong nước và quốc tế;  - Làm việc tại Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ sở ban ngành, các tổ chức trong hệ thống chính trị, các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị- xá hội lực lượng vũ trang…  - Có thể làm công tác giảng dạy và nghiên cứu về pháp luật;  - Tiếp tục học tập nâng cao trình độ hoặc học chuyên ngành sâu trong các lĩnh vực nghề luật. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sinh học ứng dụng (MS: 7420203)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Người đã tốt nghiệp THPT hệ chính quy và không chính quy |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Kiến thức: Có kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực Sinh lý học, Tế bào học, Sinh học phân tử, hóa dược, Sinh hóa, môi trường, phục vụ trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, kiểm nghiệm hóa sinh, vi sinh, y dược, nuôi trồng thủy sản; Được rèn luyện những kỹ năng về kỹ thuật sinh học và sinh hóa trong phòng thí nghiệm, kỹ thuật nuôi cấy mô, kỹ thuật ly trích và phân tích hợp chất hữu cơ, kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ứng dụng trong đời sống, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành, kỹ năng ứng dụng tin học trong phân tích số liệu và báo cáo khoa học.  - Thái độ: Nêu cao tinh thần trách nhiệm với nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với nghề, đoàn kết với đồng nghiệp, có lối sống lành mạnh, văn minh; Luôn tìm tòi, học hỏi, sáng tạo để đem lại chất lượng cao nhất khi làm việc; Nhiệt tình trong xây dựng đơn vị, chân thành trong giúp đỡ đồng nghiệp; Có ý thức xây dựng, cải tiến và phát triển phòng thí nghiệm, doanh nghiệp,…  - Ngoại ngữ: Đảm bảo yêu cầu Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học chính quy theo Quyết định số 4230/QĐ-ĐHQN ban hành ngày 23/12/2014 (tiếng Anh đạt trình độ A2 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương (còn hạn): TOEFL iBT 35 điểm, TOEFL Paper 400 điểm, IELTS 3,5, TOEIC 400, KET). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Sinh viên được tạo điều kiện đầy đủ về cơ sở vật chất và chế độ, chính sách phục vụ cho việc học tập.  - Sinh viên được hỗ trợ, tư vấn nhiệt tình từ đội ngũ cán bộ chuyên môn. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Sinh học ứng dụng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sinh viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ về lĩnh vực Sinh học và nông nghiệp. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | Sinh viên có thể đảm nhiệm vị trí công tác là cán bộ kỹ thuật, quản lý, nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực Sinh học ứng dụng, nông nghiệp, môi trường, công nghệ sinh học, lâm nghiệp, thuỷ sản ở các trường, viện, sở ban ngành, trung tâm, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, công ty,… |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Vật lý học (MS:7440102)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | **\* Mục tiêu:**  - Đào tạo cử nhân vật lý có trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt.  - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, các kiến thức cơ bản về toán học, tin học, cùng với những kiến thức chuyên ngành và chuyên sâu về Vật lý (từ Vật lý cổ điển đến Vật lý hiện đại) cũng như những kỹ năng thực hành cần thiết giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ trình độ để làm công tác nghiên cứu tại các sở nghiên cứu, các doanh nghiệp hoặc giảng dạy Vật lý ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc dạy nghề, hoặc học tiếp lên các trình độ cao hơn.  - Trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy lôgic, sáng tạo để có thể áp dụng các thành tựu khoa học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công nghệ, kỹ thuật và trong các hoạt động nghề nghiệp.  **\* Kiến thức:**  Chương trình giúp người học nắm được:  - Các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, tin học;  - Các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về vật lý ở bậc đại học;  - Các kiến thức cơ bản và cập nhật về khoa học phù hợp với chuyên ngành.  **\* Kỹ năng:**  Chương trình giúp người học có các kỹ năng sau:  - Biết sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về Vật lý;  - Sử dụng thành thạo một số thiết bị hiện đại trong nghiên cứu khoa học;  - Sử dụng thành thạo các dụng cụ thí nghiệm vật lý đại cương;  - Có khả năng tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành học;  - Sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp thông thường, đọc và dịch tốt tài liệu chuyên ngành;  - Rèn luyện kỹ năng tự học và học tập suốt đời;  - Kỹ năng tìm kiếm và tự tạo việc làm.  **\* Thái độ:**  - Có ý thức trách nhiệm, ý thức tập thể, tôn trọng pháp luật.  - Chuyên cần, nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chuyên môn của giảng viên.  - Có phương pháp học tập khoa học, có thói quen học tập theo nhóm; biết giải quyết các tình huống theo hướng tích cực; biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo trong nghề nghiệp.  - Yêu nghề, có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm, sống trung thực, lành mạnh.  - Thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với mọi người.  - Đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp; có ý thức xây dựng tập thể tốt để cùng thực hiện mục tiêu chung.  - Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.  **\* Trình độ ngoại ngữ:**  - Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 2/6 (tương đương A2) trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được quy định tại Thông tư số 01/2014/TT – BGDĐT ngày 24/01/2014. Đối với sinh viên từ khóa 39 (tuyển sinh năm 2016) trở đi khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 (tương đương trình độ B1). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | -  Người học được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các văn bản hướng dẫn của nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của sinh viên.  -  Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu.  -  Có đầy đủ phòng học với trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy học.  -  Sinh viên đạt các điều kiện học tập đều được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học.  -  Được tạo điều kiện tham gia các hoạt động nghiệp vụ để tăng cường kiến thức, kỹ năng.  -  Tham gia các kỳ tham quan thực tế.  -  Thông qua các tổ chức của thanh niên trong nhà trường như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt Nam, các hình thức hỗ trợ và phát triển giáo dục trong thanh niên được đầu tư đúng mức, đa dạng và phong phú. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Vật lý học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Có đủ khả năng theo học các hệ đào tạo ở cấp độ cao hơn như thạc sĩ, tiến sĩ. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Có khả năng giảng dạy ở các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.  - Có khả năng tìm kiếm việc làm ở các viện, trung tâm nghiên cứu và các tổ chức xã hội trong và ngoài nước. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Hóa học** **(MS:7440112**)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Học sinh đã tốt nghiệp THPT;  - Đạt các điều kiện quy định theo Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Có kiến thức chung về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức chuyên sâu về hoá học bậc đại học;  - Có kỹ năng làm việc nhóm, tiến hành thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, cập nhật các thông tin, kiến thức về khoa học Hóa học, khoa học kỹ thuật;  - Có chí hướng, đủ trình độ để học ở bậc học cao hơn: Thạc sỹ, Tiến sĩ;  - Có đủ khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ thiết kế bài giảng môn học. Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo chuẩn kỹ năng thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông);  - Có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày, đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành, đạt trình độ A2. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về học tập, sinh hoạt, các chủ trương chính sách của Nhà nước và Nhà trường;  - Được thực hiện các chế độ chính sách dành cho sinh viên do Nhà nước và Nhà trường ban hành như: học bổng chính sách, học bổng do các nhà tài trợ,..;  - Được tham gia NCKH, hội thảo khoa học;  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường;  - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể như: tổ chức Đoàn, Hội trong Trường.  - Được tham gia các câu lạc bộ về hóa học, câu lạc bộ tiếng Anh, các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tình nguyện;  - Được hỗ trợ kịp thời đối với những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để tiếp tục đến trường;  - Được tham gia các buổi giao lưu giữa sinh viên với các cán bộ, kỹ sư đang làm việc ở một số doanh nghiệp, công ty, nhà máy,… để định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Hóa học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học cao hơn: Thạc sỹ, Tiến sĩ ở trong và ngoài nước. |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  |  | - Có đủ năng lực làm nghiên cứu viên, kỹ thuật viên, nhân viên sản xuất, nhân viên phân tích, nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu, các xí nghiệp, cơ sở sản xuất, các công ty, doanh nghiệp,… liên quan đến hóa chất, mỹ phẩm, dược liệu;  - Có khả năng giảng dạy Hoá học ở các Trường cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Địa lý tự nhiên (MS: 7440217, 8440217)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Theo Quy chế tuyển sinh thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Đại học Quy Nhơn. | Theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | **\* Kiến thức:** Trang bị một cách có hệ thống các kiến thức tổng hợp về các quy luật địa lí, các hợp phần, các quá trình tự nhiên và các dạng tài nguyên thiên nhiên, các địa hệ tự nhiên trong mối quan hệ và tác động tương hỗ, sự biến đổi của thiên nhiên liên quan tới các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, các biện pháp khai thác, sử dụng, bảo vệ và cải thiện các điều kiện và tài nguyên thiên nhiên theo lãnh thổ.  **\* Kỹ năng**: Học viên biết cách phân tích và tổng hợp các vấn đề trong lĩnh vực Địa lí tự nhiên; sử dụng các trang thiết bị trong công tác nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, xây dựng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ của Địa lí học nói chung và Địa lí tự nhiên nói riêng vào thực tế đời sống; có khả năng độc lập nghiên cứu và truyền đạt kiến thức.  \* **Trình độ ngoại ngữ**: Theo quy định chung chuẩn B1 theo khung tham chiếu Châu Âu. | \* **Kiến thức:**  - SV có những kiến thức nền tảng về Toán - Tin học, Vật lí, Sinh học… tiếp thu tốt các kiến thức về địa lí tự nhiên (chuyên ngành Tài nguyên môi trường) và kỹ năng thực hành chuyên sâu về Địa lí tự nhiên.  - SV nắm chắc những tri thức cơ bản về lý luận và thực tiễn của khoa học Địa lí, những tri thức địa lí tự nhiên cơ bản và mối quan hệ với các hiện tượng, các quá trình tự nhiên; Các kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên - môi trường; quản lí, sử dụng, bảo vệ hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Mối quan hệ giữa tự nhiên và con người, giữa tự nhiên và KTXH cho sự phát triển bền vững.  - SV nắm vững phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể trong học tập, nghiên cứu thuộc lĩnh vực đào tạo. SV còn được trang bị các kiến thức về khoa học xã hội, văn hoá, quản lý..., nhằm đạt tới khả năng thích hợp với công tác chuyên môn như khả năng hợp tác, thuyết phục, tư vấn và quản lí thuộc lĩnh vực được đào tạo; Tiếp cận được lí luận và thực hiện được các phương pháp nghiên cứu hiện đại về lĩnh vực Địa lí tự nhiên, Quản lí tài nguyên và Môi trường.  **\* Kỹ năng:**  - SV có được phương pháp và kĩ năng nghiên cứu làm việc chuyên ngành và liên ngành theo các mục tiêu nói trên; Có được những kỹ năng thiết yếu về nghiên cứu địa lí tự nhiên, tài nguyên môi trường. Hình thành và phát triển ở SV năng lực tham mưu, tư vấn quản lí và sử dụng hợp lí tài nguyên môi trường cho các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội.  - SV tốt nghiệp phải nắm vững phương pháp nghiên cứu, quy trình công nghệ trong nghiên cứu Địa lí tự nhiên, tài nguyên, môi trường và trong lĩnh vực bản đồ, GIS - Viễn thám, quy trình lập quy hoạch dự án… Sử dụng thành thạo công cụ tin học và một số phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiện đại trong nghiên cứu chuyên ngành.  - Trên cơ sở kiến thức được trang bị ở trình độ đại học, SV có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học chuyên ngành hoặc tiếp tục học ở các trình độ cao hơn.  **\* Trình độ ngoại ngữ**: Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | Có hệ thống Phòng TNTH: Địa lí tự nhiên-tài nguyên môi trường; Công nghệ Địa chính-Môi trường hiện đại đáp ứng các thí nghiệp, thực hành cho các học viên cao học.  Có Trung tâm TTTL đáp ứng các danh mục tài liệu tham khảo phục vụ cho các học viên tra cứu tài liệu.  Ngoài ra, Khoa có hợp với các Sở, Ban ngành và Công ty liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường giúp các học viên liên hệ thực tập và tham khảo số liệu liên quan. | - Bên cạnh các trung tâm văn hóa, TDTT của Nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động thu hút SV, Khoa có Câu lạc bộ Địa lí - Địa chính, Hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Đội Thanh niên xung kích… góp phần đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động phong trào của sinh viên.  - Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng dẫn sinh viên đi thực tập chuyên đề, khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp,….  - Khoa phối kết hợp với đơn vị khác trong và ngoài trường như: Sở KH-CN, Sở TN-MT, Trung tâm CNTT, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Định, Liên đoàn Địa chất V, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên, Hải đội II - Bộ đội biên phòng, các trung tâm, công ty đo đạc trên địa bàn tỉnh Bình Định…tổ chức các hoạt động hỗ trợ bổ ích cho học tập, sinh hoạt và rèn luyện kỹ năng mềm cho SV. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Địa lý tự nhiên hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Địa lý tự nhiên hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - SV tốt nghiệp ra trường có đủ sức khỏe, năng lực chuyên môn và kỹ năng học tiếp bậc cao học và nghiên cứu sinh.  - Những sinh viên giỏi, có thể được được tiếp tục đào tạo đặc cách ở bậc học cao hơn - bậc sau đại học. |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  | Sau khi tốt nghiệp, học viên tham gia nghiên cứu thuộc các lĩnh vực: Địa lí tự nhiên, địa mạo, tài nguyên thiên nhiên và môi trường, môi trường biển và đới bờ…;  Học viên có thể làm việc tại:  - Các trường đại học, cao đẳng; các công ty, doanh nghiệp nhà nước hoặc tư nhân về địa lí, quản lí đất đai, môi trường.  - Làm công tác nghiệp vụ tại các Sở KH - CN, Sở TN - MT, các Phòng TN - MT của các tỉnh, thành, huyện hoặc tại các Trung tâm ứng dụng địa lí và môi trường… | Sau khi tốt nghiệp, SV có đủ năng lực khoa học để tham gia nghiên cứu thuộc các lĩnh vực: Địa lí tự nhiên, địa mạo, tài nguyên thiên nhiên và môi trường, môi trường biển và đới bờ…;  SV có thể làm việc tại:  - Các trường đại học, cao đẳng; các công ty, doanh nghiệp nhà nước hoặc tư nhân về địa lí, quản lí đất đai, môi trường; Đảm nhận công việc trong lĩnh vực quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên, đánh giá tác động môi trường và chất lượng môi trường, quản lý môi trường, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên và bảo vệ môi trường, xây dựng, quản lý và đánh giá các dự án phát triển đô thị, nông nghiệp, nông thôn.  - Làm công tác nghiệp vụ về quản lí đất đai, đo đạc, tư vấn và thông tin đất đai tại các Sở KH - CN, Sở TN - MT, các Phòng TN - MT của các tỉnh, thành, huyện hoặc tại các Trung tâm ứng dụng địa lí và môi trường… |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Toán học (MS:7460101)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | -*Kiến thức*: Đào tạo cử nhân khoa học toán học có năng lực chuyên môn, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt. Trang bị những kiến thức đại cương về triết học, kinh tế chính trị, về khoa học tự nhiên cũng như những kiến thức cơ bản về chuyên ngành toán cho sinh viên, nhằm đào tạo họ thành những nhà khoa học chuyên sâu về toán hoặc có khả năng ứng dụng toán vào các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kinh tế, xã hội…  - *Kỹ năng*: Chương trình hướng tới việc rèn luyện cho sinh viên tư duy chính xác của toán học, tư duy thuật toán, phương pháp tiếp cận khoa học tới các vấn đề thực tế.  - *Trình độ ngoại ngữ***:** Khi tốt nghiệp, sinh viên (K38 và các khóa trước) đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 /6 (A2). Sinh viên từ Khóa 39 trở đi đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 (B1). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | -Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ cho sinh viên.  -Thành lập đội ngũ cố vấn học tập.  -Tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn.  - Có chính sách hỗ trợ học bổng từ Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020 |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Toán học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.  - Nhà trường có liên kết đào tạo với hình thức với học trực tuyến trình độ thạc sĩ một số môn học để sau khi tốt nghiệp có thể được tuyển chọn học tiếp chương trình Thạc sĩ dưới sự hướng dẫn của các giáo sư tại các ĐH Limoges và ĐH Aix-Marseille (Pháp). |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể hoặc làm việc tại các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý, các cơ sở sản xuất và kinh doanh có sử dụng kiến thức toán học, hoặc nếu có đủ điều kiện có thể đào tạo tiếp ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ , hoặc làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, trung học phổ thông.   * Sinh viên cũng có thể học thêm các khóa đào tạo ngắn hạn về Công nghệ thông tin để có thể làm việc tại các công ty phần mềm và các doanh nghiệp. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Công nghệ thông tin (MS: 7480201)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  Yêu cầu thí sinh tốt nghiệp cao đẳng chính quy các ngành: CNTT, Tin học, Sư phạm Tin học. |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Kiến thức:  + Có những kiến thức cơ bản nhất về CNTT và những ứng dụng của CNTT.  + Có kiến thức về tư duy thuật toán và lập trình cho máy tính.  + Có kiến thức về tổ chức và quản lý dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý.  + Có kiến thức về mạng máy tính, tổ chức và quản lý mạng máy tính.  + Có kiến thức về một số lĩnh vực chuyên sâu của CNTT.  - Kỹ năng:  + Kỹ năng sử dụng máy tính.  + Kỹ năng về lập trình ứng dụng.  + Kỹ năng về tổ chức và quản lý dữ liệu trên máy tính.  + Kỹ năng về tổ chức và quản lý mạng máy tính.  + Kỹ năng về làm việc nhóm.  - Thái độ:  Chuyên cần, nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chuyên môn của giảng viên.  Có ý thức trách nhiệm, ý thức tập thể, tôn trọng pháp luật.  Có phương pháp học tập khoa học, có thói quen học tập theo nhóm; biết giải quyết các tình huống theo hướng tích cực; biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo trong nghề nghiệp.  - Trình độ ngoại ngữ: tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | - Kiến thức:  + Có những kiến thức cơ bản nhất về CNTT và những ứng dụng của CNTT.  + Có kiến thức về tư duy thuật toán và lập trình cho máy tính.  + Có kiến thức về tổ chức và quản lý dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý.  + Có kiến thức về mạng máy tính, tổ chức và quản lý mạng máy tính.  + Có kiến thức về một số lĩnh vực chuyên sâu của CNTT.  - Kỹ năng:  + Kỹ năng sử dụng máy tính.  + Kỹ năng về lập trình ứng dụng.  + Kỹ năng về tổ chức và quản lý dữ liệu trên máy tính.  + Kỹ năng về tổ chức và quản lý mạng máy tính.  + Kỹ năng về làm việc nhóm.  - Thái độ:  Chuyên cần, nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chuyên môn của giảng viên.  Có ý thức trách nhiệm, ý thức tập thể, tôn trọng pháp luật.  Có phương pháp học tập khoa học, có thói quen học tập theo nhóm; biết giải quyết các tình huống theo hướng tích cực; biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo trong nghề nghiệp.  - Trình độ ngoại ngữ: tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | Có đầy đủ phòng học với trang thiết bị dạy học như máy chiếu, âm thanh.  Thư viện có đầy đủ sách tham khảo cho chuyên ngành CNTT.  Có 10 phòng máy tính với hơn 450 máy tính phục vụ cho thực hành.  Số lượng giảng viên: 31 (Trong đó: TS: 08, NCS: 05, ThS: 18).  Khoa có câu lạc bộ ICT thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ kiến thức về CNTT cho sinh viên.  Hàng năm liên chi đoàn khoa tổ chức các hoạt động nghiệp vụ tạo sân chơi cho sinh viên năng động và hứng thú học tập. | Có đầy đủ phòng học với trang thiết bị dạy học như máy chiếu, âm thanh.  Thư viện có đầy đủ sách tham khảo cho chuyên ngành CNTT.  Có 10 phòng máy tính với hơn 450 máy tính phục vụ cho thực hành.  Số lượng giảng viên: 31 (Trong đó: TS: 08, NCS: 05, ThS: 18).  Khoa có câu lạc bộ ICT thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ kiến thức về CNTT cho sinh viên.  Hàng năm liên chi đoàn khoa tổ chức các hoạt động nghiệp vụ tạo sân chơi cho sinh viên năng động và hứng thú học tập. |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Có khả năng tiếp tục học các bậc cao hơn ngành CNTT. | Có khả năng tiếp tục học các bậc cao hơn ngành CNTT. |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Chuyên viên quản lý CNTT tại các cơ quan, tổ chức hay doanh nghiệp. Với các vị trí như quản trị mạng, tổ chức và quản trị hệ thống thông tin, lập trình ứng dụng.  - Các công ty chuyên về phần mềm, về hệ thống máy tính và các giải pháp về CNTT.  - Giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng hay trung cấp chuyên nghiệp.  - Các viện nghiên cứu chuyên về CNTT và Truyền thông. | - Chuyên viên quản lý CNTT tại các cơ quan, tổ chức hay doanh nghiệp. Với các vị trí như quản trị mạng, tổ chức và quản trị hệ thống thông tin, lập trình ứng dụng.  - Các công ty chuyên về phần mềm, về hệ thống máy tính và các giải pháp về CNTT.  - Giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng hay trung cấp chuyên nghiệp.  - Các viện nghiên cứu chuyên về CNTT và Truyền thông. |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Công nghệ Kỹ thuật xây dựng (MS: 7510103)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Về kiến thức:  + Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn trong khung chương trình dành cho khối các ngành khoa học kỹ thuật.  + Nắm vững các kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật công trình xây dựng: thiết kế, thi công xây lắp, giám sát, tổ chức và quản lý các công trình xây dựng.  + Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng và các phần mềm tin học chuyên ngành trong thiết kế kiến trúc, kết cấu và quản lý thi công.  - Về kỹ năng:  + Có khả năng triển khai thiết kế kỹ thuật và giám sát thi công các công trình xây dựng.  + Có khả năng tự tổ chức, quản lý thi công một hạng mục công trình hoặc các công trình xây dựng.  + Lập được dự toán công trình, lập và quản lý được tiến độ thi công cho các hạng mục công việc, tính được năng suất lao động, năng suất một số máy xây dựng thông dụng trong thi công.  + Có khả năng sắp xếp phân công công việc cho nhân công dưới quyền một cách hợp lý.  - Về thái độ:  + Có thái độ làm việc cẩn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe và lối sống lành mạnh.  + Thể hiện là người tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng các quy định của pháp luật.  - Trình độ ngoại ngữ: Trình độ Tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu - CEFR). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Tổ chức các buổi hội thảo, giao lưu tư vấn hướng nghiệp.  - Tổ chức các lớp học Kỹ năng mềm cho sinh viên.  - Sinh hoạt câu lạc bộ xây dựng. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ kiến thức để có thể tiếp tục học chương trình sau đại học, làm nghiên cứu sinh, hay khả năng học tập suốt đời. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các tổ chức nghề nghiệp và các tổ chức chính trị xã hội, quản lý công tác xây dựng cơ bản;  - Làm việc trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế theo qui định của pháp luật với các vị trí tư vấn thiết kế, thi công, giám sát công trình, quản lý dự án phù hợp với chuyên môn đào tạo;  - Làm việc trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học;  - Làm việc cho các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước về xây dựng. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật hóa học** **(MS: 7510401)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Học sinh đã tốt nghiệp THPT;  - Đạt các điều kiện quy định theo Đề án tuyển sinh năm 2018 của Trường. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Có kiến thức chung về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức chuyên sâu về hoá học bậc đại học, thiết bị phản ứng, quy trình thiết bị,…;  - Có kỹ năng làm việc nhóm, tiến hành thí nghiệm, nghiên cứu khoa học, cập nhật các thông tin, kiến thức về khoa học Hóa học, khoa học kỹ thuật;  - Có chí hướng, đủ trình độ để học ở bậc học cao hơn: Thạc sỹ, Tiến sĩ;  - Có đủ khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ thiết kế bài giảng môn học. Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo chuẩn kỹ năng thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông);  - Có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày, đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành, đạt trình độ A2;  - Có khả năng thiết kế phân xưởng sản xuất, thiết kế quy trình thiết bị, đọc bản vẽ kỹ thuật… (đối với sinh viên ngành CN Lọc – hóa dầu); làm hồ sơ môi trường và thiết kế hệ thống xử lý chất thải rắn, lỏng, khí... (đối với sinh viên ngành CN Môi trường). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về học tập, sinh hoạt, các chủ trương chính sách của Nhà nước và Nhà trường;  - Được thực hiện các chế độ chính sách dành cho sinh viên do Nhà nước và Nhà trường ban hành như: học bổng chính sách, học bổng do các nhà tài trợ,..;  - Được tham gia NCKH, hội thảo khoa học;  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường;  - Được tham gia hoạt động của các đoàn thể như: tổ chức Đoàn, Hội trong Trường.  - Được tham gia các câu lạc bộ về hóa học, câu lạc bộ tiếng Anh, các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tình nguyện;  - Được hỗ trợ kịp thời đối với những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để tiếp tục đến trường.  - Được tham gia các buổi giao lưu giữa sinh viên với các cán bộ, kỹ sư đang làm việc ở một số doanh nghiệp, công ty, nhà máy,.. để định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ kỹ thuật Hóa học chuyên ngành công nghệ Lọc –hóa dầu và chuyên ngành Công nghệ môi trường hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học cao hơn: Thạc sỹ, Tiến sĩ ở trong và ngoài nước. |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  |  | * Có đủ năng lực đảm nhận nhiệm vụ kỹ sư trong các cơ sở sản xuất, trung tâm đo lường và kiểm định chất lượng, công ty, nhà máy sản xuất các sản phẩm Công nghệ Hóa học, các sản phẩm hóa dầu và các công ty, sở, phòng môi trường; * Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu, các trung tâm ứng dụng và triển khai về Công nghệ Hóa học và về Môi trường;   - Giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Kỹ thuật điện (MS: 7520201, 8520201)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD-ĐT (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn (Ban hành kèm theo Quyết định số 5508/QĐ-ĐHQN, ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn). | Theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | - Về kiến thức:  Trang bị cho học viên những kiến thức cơ sở và chuyên sâu thuộc chuyên ngành Kỹ thuật điện như các lĩnh vực: Máy điện, khí cụ điện, điện tử công suất, các nguồn năng lượng mới, phương pháp phân tích, tính toán, vận hành hệ thống điện và các lĩnh vực liên quan khác.  - Về kỹ năng:  Học viên biết cách phân tích và tổng hợp các vấn đề trong lĩnh vực Kỹ thuật điện; xây dựng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ của Kỹ thuật nói chung và Kỹ thuật điện nói riêng vào thực tế đời sống; có khả năng độc lập nghiên cứu và truyền đạt kiến thức.  - Ngoại ngữ: Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức tương đương cấp độ B1 khung tham chiếu chung Châu Âu hoặc bậc 3/6 của Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. | **-** Về kiến thức:  + Nắm vững kiến thức cốt lõi về khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên môn sâu về ngành kỹ thuật điện và khả năng ứng dụng vào thực tế.  + Sử dụng các phần mềm máy tính và các ngôn ngữ lập trình thích hợp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật điện.  + Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các thiết bị điện, hệ thống điện và hệ thống điều khiển tự động đáp ứng nhu cầu xã hội  - Về kỹ năng và thái độ:  + Phân tích và lập luận kỹ thuật giải quyết vấn đề.  + Khả năng thiết kế và tiến hành các thí nghiệm, phân tích và giải thích dữ liệu.  + Có tư duy toàn diện và suy nghĩ mức hệ thống.  + Nhận thức rõ về đạo đức và trách nghiệm nghề nghiệp; ý thức học suốt đời.  + Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và khả năng làm việc nhóm.  + Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin để làm việc trong môi trường đa ngành  - Ngoại ngữ: Trình độ Tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu - CEFR). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | - Tổ chức các buổi hội thảo chuyên ngành.  - Hỗ trợ tham gia các hội nghị khoa học trong nước, quốc tế. | - Các chính sách hổ trợ sinh viên theo quy định của trường Đại học Quy Nhơn.  - Tổ chức các buổi hội thảo, giao lưu tư vấn hướng nghiệp.  - Tổ chức các lớp học Kỹ năng mềm cho sinh viên.  - Sinh hoạt câu lạc bộ Kỹ thuật điện. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Kỹ thuật điện hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ kiến thức để tiếp tục làm nghiên cứu sinh lĩnh vực kỹ thuật điện ở các trường đại học, các viện trong nước cũng như quốc tế. Ngoài ra, người học còn có ý thức và khả năng học suốt đời. | Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ kiến thức để tiếp tục học chương trình sau đại học ngành kỹ thuật điện, ngành kỹ thuật điều khiển – tự động hóa. Ngoài ra, người học còn có ý thức và khả năng học suốt đời. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  | - Công ty điện lực, công ty truyền tải điện, các nhà máy phát điện (thủy điện, nhiệt điện…) với vai trò người vận hành, hoặc quản lý, điều phối kỹ thuật.  - Công ty tư vấn, thiết kế, xây lắp, vận hành, thí nghiệm, bảo trì các thiết bị và hệ thống điện.  - Cơ quan quản lý lĩnh vực kỹ thuật điện, công ty mua bán, kinh doanh điện năng, công ty sản xuất chế tạo thiết bị điện.  - Doanh nghiệp, công ty sản xuất, trung tâm thương mại với vai trò quản trị hệ thống điện, chiếu sáng.  - Tự mở doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực kỹ thuật điện.  - Có thể giảng dạy và làm nghiên cứu ở các viện, trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp về lĩnh vực kỹ thuật điện. | - Công ty điện lực, công ty truyền tải điện, các nhà máy phát điện (thủy điện, nhiệt điện…) với vai trò người vận hành, hoặc quản lý, điều phối kỹ thuật.  - Công ty tư vấn, thiết kế, xây lắp, vận hành, thí nghiệm, bảo trì các thiết bị và hệ thống điện.  - Cơ quan quản lý lĩnh vực điện - tự động hóa, công ty mua bán, kinh doanh điện năng, công ty sản xuất chế tạo thiết bị điện.  - Công ty, nhà máy sản xuất công nghiệp tự động hóa, các dây chuyền, sản xuất và lắp ráp thiết bị điện, điện tử, công ty sản xuất thang máy, băng chuyền.  - Doanh nghiệp, công ty sản xuất, trung tâm thương mại với vai trò quản trị hệ thống điện, chiếu sáng.  - Tự mở doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực điện - điện tử.  - Có thể giảng dạy và làm nghiên cứu ở các viện, trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp về lĩnh vực điện - tự động hóa. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Kỹ thuật điện tử - viễn thông (MS:7520207)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Về kiến thức:  + Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương phổ cập về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên; chú trọng trang bị kiến thức về Toán học, Vật lý làm nền tảng cho học tập kiến thức ngành.  + Kiến thức cơ sở ngành: trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở cốt lõi và cần thiết về cấu kiện điện tử, lý thuyết mạch điện tử, điện tử tương tự, điện tử số và các quá trình xử lý tín hiệu.  + Kiến thức chuyên ngành: trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện và hiện đại về điện tử, máy tính và viễn thông bao gồm cả lý thuyết, thực hành và thực tế mạng lưới.  - Về kỹ năng:  + Có kỹ năng lập trình  + Có kỹ năng thiết kế, thi công các hệ thống điện tử, viễn thông.  + Có kỹ năng lắp đặt, vận hành, bảo trì, sửa chữa các hệ thống thông tin.  + Sử dụng thành thạo các phần mềm thiết kế, mô phỏng chuyên ngành.  + Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.  - Về thái độ:  + Có thái độ làm việc cẩn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe và lối sống lành mạnh.  + Thể hiện là người tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng các quy định của pháp luật.  - Trình độ ngoại ngữ: Trình độ Tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu - CEFR). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Tổ chức các buổi hội thảo, giao lưu tư vấn hướng nghiệp, tuyển dụng.  - Tổ chức các lớp học kỹ năng mềm cho sinh viên.  - Sinh hoạt câu lạc bộ Điện tử - Viễn thông. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực để có thể tiếp tục học chương trình sau đại học, làm nghiên cứu sinh, hay khả năng học tập suốt đời. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp về thông tin – truyền thông, khoa học – công nghệ.  - Làm việc tại các Tập đoàn, Tổng công ty về lĩnh vực viễn thông: VNPT, VIETTEL, MOBIFONE, FPT Telecom, VTC, Tổng công ty Hàng không Việt Nam,… và các công ty, đơn vị thành viên: Công ty Điện toán và truyền số liệu, Công ty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế.  - Làm việc tại Đài truyền hình, đài phát thanh, từ Trung ương đến địa phương; các công ty Truyền hình cáp.  - Làm việc tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin như: FPT Software, TMA Solutions.  - Làm việc tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, cung cấp thiết bị điện tử, máy tính, viễn thông;  - Làm việc ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Nông học (MS: 7620109)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Người đã tốt nghiệp THPT hệ chính quy và không chính quy |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | - Kiến thức: Có đầy đủ kiến thức chuyên môn về chăn nuôi, thủy sản, trồng trọt, các kiến thức về công nghệ sinh học ứng dụng trong nông nghiệp, các cơ chế, kỹ thuật mới trong nông nghiệp; Có khả năng nghiên cứu, chỉ đạo và phục vụ cho sản xuất nông nghiệp theo hướng an toàn và bền vững.  - Thái độ: Người học biết yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, đạo đức tốt và có tác phong mẫu mực trong công tác thuộc các lĩnh vực có liên quan đến Nông – Lâm – Ngư nghiệp.  - Ngoại ngữ: Đảm bảo yêu cầu Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên đại học chính quy theo Quyết định số 4230/QĐ-ĐHQN ban hành ngày 23/12/2014 (tiếng Anh đạt trình độ A2 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương (còn hạn): TOEFL iBT 35 điểm, TOEFL Paper 400 điểm, IELTS 3,5, TOEIC 400, KET). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Sinh viên được tạo điều kiện đầy đủ về cơ sở vật chất và chế độ, chính sách phục vụ cho việc học tập.  - Sinh viên được hỗ trợ, tư vấn nhiệt tình từ đội ngũ cán bộ chuyên môn |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Nông học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tiếp tục theo học thạc sĩ, tiến sĩ ở các ngành liên quan đến trồng trọt, chăn nuôi. |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Sinh viên có rất nhiều cơ hội được làm việc tại các công ty ở các lĩnh vực Nông – Lâm – Ngư nghiệp.  - Sinh viên có thể làm việc tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học nông nghiệp, các hợp tác xã nông nghiệp, trang trại trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trung tâm khuyến nông –khuyến ngư, trung tâm nghiên cứu cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp và các sở, phòng nông nghiệp. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Công tác xã hội** **(MS: 7760101)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.  - Thi tuyển sinh: Khối A, C, D1. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | 1. Kiến thức  - Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực công tác xã hội: Nắm vững kiến thức cơ bản về tâm lý học, xã hội học, các lý thuyết và mô hình công tác xã hội; các phương pháp công tác xã hội chuyên nghiệp; kiến thức bổ trợ và ứng dụng vào việc phân tích, xây dựng kế hoạch, hỗ trợ thực hiện và lượng giá tiến trình giải quyết vấn đề. Đồng thời có kiến thức nghiên cứu và xây dựng các mô hình tiếp cận khác nhau giúp đỡ đối tượng có vấn đề trong cuộc sống; kiến thức nghiên cứu và xây dựng chính sách.  - Có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các ca công tác xã hội phức tạp; Tích luỹ được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực công tác xã hội để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội.  2. Kỹ năng  - Sử dụng được các kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dich vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp nhu cầu của mình.  - Có kỹ năng đánh giá, phát hiện các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng.  - Phát triển kỹ năng vận động và tham gia xây dựng chính sách xã hội và các chính sách có liên quan.  - Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá chính sách, mô hình giúp đỡ.  - Có kỹ năng phân tích, đánh giá, áp dụng mô hình tiếp cận phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (giảng dạy, kiểm huấn).  - Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành công tác xã hội; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.  3. Trình độ ngoại ngữ đạt được  Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường yêu cầu phải đạt:  Tiếng Anh: Bậc 2/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (từ khóa 33 đến khóa 38).  Từ khóa 39 trở về sau: Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Thực tế chuyên môn, thực tập tốt nghiệp  - Thực hành theo Kế hoạch đào tạo.  - Hoạt động xã hội |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Công tác xã hội hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Có khả năng nâng cao trình độ ở các bậc cao hơn như: Thạc sĩ công tác xã hội, Tiến sĩ công tác xã hội tại các cơ sở đào tạo công tác xã hội ở trong nước và ngoài nước. |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  |  | Sinh viên ngành Công tác xã hội có thể làm việc trong các cơ quan nhà nước từ Trung ương tới địa phương, hoạt động trong các lĩnh vực lao động xã hội, gia đình, trẻ em, y tế, giáo dục, bảo hiểm xã hội...Sinh viên cũng có thể làm trong các cơ sở xã hội, các tổ chức đoàn thể như hội Chữ thập đỏ, hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên...và các tổ chức phi chính phủ. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (MS: 7810103)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | ***- Mục tiêu về kiến thức:***  **\* Kiến thức chung:** Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương.  **\* Kiến thức cơ sở ngành:** Kiến thức cơ bản của khối ngành kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh: kinh tế học, toán trong kinh tế, quản trị học, quản trị kinh doanh, tài chính tiền tệ và kế toán....  **\* Kiến thức ngành:**  Kiến thức chung về du lịch, quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, kinh tế du lịch, tâm lý, giao tiếp và đàm phán trong lĩnh vực du lịch, khách sạn; Kiến thức pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức, quy tắc ứng xử trong kinh doanh du lịch, kinh doanh lưu trú tại Việt Nam và trên thế giới; Kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội, lịch sử, văn hóa của Việt Nam và thế giới vận dụng trong lĩnh vực du lịch và khách sạn; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.  Kiến thức chuyên sâu để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ du lịch và lữ hành ở các cơ sở quản lý hoặc kinh doanh du lịch, cụ thể là: Các nghiệp vụ quản trị khách sạn: tổ chức điều hành nguồn nhân lực, thực hiện nghiệp vụ lễ tân, tổ chức phục vụ buồng; Các nghiệp vụ quản trị nhà hàng như: phục vụ bàn, bar, chế biến món ăn, nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ nhà hàng; Các nghiệp vụ quản trị kinh doanh lữ hành - tour: am hiểu địa lý du lịch và các tuyến điểm du lịch, tổ chức và điều hành tour du lịch; Các nghiệp vụ tổ chức sự kiện và hội nghị, phát triển du lịch bền vững, quản trị điểm đến du lịch...  **\* Kiến thức thực tập và tốt nghiệp:** Thực tập nhận thức; Thực tập tốt nghiệp; Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận.  ***- Mục tiêu về Kỹ năng***  Khi tốt nghiệp sinh viên phải có những kỹ năng quan trọng mà một cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành cần phải có:  **\* Kỹ năng nghề nghiệp:** Có kỹ năng quản lý doanh nghiệp, bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; Kỹ năng lập kế hoạch và các kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.  **\* Kỹ năng mềm:**  **+** Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.  **+** *Kỹ năng ngoại ngữ***:**  Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.  Có kỹ năng ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp, tiếng Trung, hoặc tiếng Nga) khi giao tiếp với các đối tác có liên quan trọng công việc ở trình độ cơ bản.  ***+*** *Kỹ năng tin học:*  Có kiến thức tin học cơ bản và sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có khả năng tìm hiểu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.  ***- Mục tiêu về Thái độ***  Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao;  Có ý thức không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vươn lên đáp ứng yêu cầu mới; khả năng thích nghi với môi trường mới cao;  Có thái độ tích cực tham gia các hoạt động văn hoá, xã hội, từ thiện.  ***- Trình độ ngoại ngữ:*** Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu - CEFR).  - ***Trình độ tin học***: đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | \* Cơ sở vật chất  - Có đầy đủ hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng phục vụ cho việc dạy học chuyên ngành.  - Phòng học có đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy học như âm thanh, máy chiếu,...  - Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường có nhiều sách, giáo trình, khóa luận, tạp chí khoa học, tài liệu đủ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập chuyên ngành; và thư viện điện tử.  \* Hỗ trợ người học  - Thực tập thực tế;  - Các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ thuyết trình, cuộc thi kỹ năng thuyết trình thuyết phục, cuộc thi thắp sáng tài năng kinh doanh, Hội chợ nghiệp vụ…  - Tăng cường các hoạt động giao lưu với các doanh nghiệp, các ngân hàng; với những học giả, doanh nhân thành đạt;  - Phát triển hoạt động Đoàn – Hội theo hướng phát huy tính sáng tạo và tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;  - Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động tình nguyện;… |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Có khả năng tham gia học sau đại học ở tất cả trường ĐH trong nước và nước ngoài |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | Nhân viên quản lý, điều hành tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch được xếp hạng; nhân viên quản lý, điều hành tại công ty lữ hành, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị; nhân viên quản lý tại các cơ sở kinh doanh nhà hàng, các cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch khác; chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tư vấn về du lịch và khách sạn; làm việc tại các viện Nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế du lịch, quản lý khách; làm giảng viên giảng dạy chuyên ngành du lịch và khách sạn tại các cơ sở đào tạo. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Quản trị khách sạn (MS: 7810201)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT Ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | **MỤC TIÊU VỀ KIẾN THỨC**  **\* Kiến thức chung:** Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Pháp luật đại cương.  **\* Kiến thức cơ sở ngành:** Kiến thức cơ bản của khối ngành kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh: kinh tế học, toán trong kinh tế, quản trị học, quản trị kinh doanh, tài chính tiền tệ và kế toán...  **\* Kiến thức ngành:**  Kiến thức chung về du lịch, quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, kinh tế du lịch, tâm lý, giao tiếp và đàm phán trong lĩnh vực du lịch, khách sạn; Kiến thức pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức, quy tắc ứng xử trong kinh doanh du lịch, kinh doanh lưu trú tại Việt Nam và trên thế giới; Kiến thức cơ bản về tự nhiên, xã hội, lịch sử, văn hóa của Việt Nam và thế giới vận dụng trong lĩnh vực du lịch và khách sạn; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong lĩnh vực quản trị khách sạn.  Kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn như: quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực, marketing trong du lịch,…; Hiểu và vận dụng tốt được các kiến thức về quản trị tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn như: quản trị kinh doanh lưu trú, quản trị lễ tân, quản trị buồng - bàn - bar, quản trị nhà hàng, quản trị bếp và ẩm thực, QTKD lữ hành, quản trị khu du lịch…  **\* Kiến thức thực tập và tốt nghiệp:** Thực tập nhận thức; Thực tập tốt nghiệp; Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế khóa luận.  **MỤC TIÊU VỀ KỸ NĂNG**  Khi tốt nghiệp sinh viên phải có những kỹ năng quan trọng mà một cử nhân quản trị khách sạn cần phải có:  **\* Kỹ năng nghề nghiệp:** Có kỹ năng quản lý doanh nghiệp, bao gồm: Kỹ năng lãnh đạo; Kỹ năng lập kế hoạch và các kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản trị khách sạn.  **\* Kỹ năng mềm:**  **+** Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục trong lĩnh vực quản trị khách sạn.  **+** *Kỹ năng ngoại ngữ***:**  Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành quản trị khách sạn; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.  Có kỹ năng ngoại ngữ thứ hai (tiếng Pháp hoặc tiếng Trung) khi giao tiếp với các đối tác có liên quan trọng công việc ở trình độ cơ bản.  ***+*** *Kỹ năng tin học:*  Có kiến thức tin học cơ bản và sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có khả năng tìm hiểu và sử dụng các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác quản trị khách sạn.  ***MỤC TIÊU VỀ THÁI ĐỘ***  Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao;  Có ý thức không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, vươn lên đáp ứng yêu cầu mới; khả năng thích nghi với môi trường mới cao;  Có thái độ tích cực tham gia các hoạt động văn hoá, xã hội, từ thiện.  ***- Trình độ ngoại ngữ:*** Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu - CEFR).  - ***Trình độ tin học***: đạt trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | \* Cơ sở vật chất  - Có đầy đủ hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng phục vụ cho việc dạy học chuyên ngành.  - Phòng học có đầy đủ các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy học như âm thanh, máy chiếu,...  - Trung tâm Thông tin tư liệu của Nhà trường có nhiều sách, giáo trình, khóa luận, tạp chí khoa học, tài liệu đủ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập chuyên ngành; và thư viện điện tử.  \* Hỗ trợ người học  - Thực tập thực tế;  - Các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ thuyết trình, cuộc thi kỹ năng thuyết trình thuyết phục, cuộc thi thắp sáng tài năng kinh doanh, Hội chợ nghiệp vụ…  - Tăng cường các hoạt động giao lưu với các doanh nghiệp, các ngân hàng; với những học giả, doanh nhân thành đạt;  - Phát triển hoạt động Đoàn – Hội theo hướng phát huy tính sáng tạo và tăng cường kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên;  - Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động tình nguyện;… |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị khách sạn hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Có khả năng tham gia học sau đại học ở tất cả trường ĐH trong nước và nước ngoài |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | Nhân viên quản lý, điều hành tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch được xếp hạng; nhân viên quản lý, điều hành các bộ phận tác nghiệp và chức năng tại các cơ sở lưu trú, các khách sạn hay các khu nghỉ dưỡng cao cấp quốc tế; nhân viên quản lý tại các cơ sở kinh doanh nhà hàng, các cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch khác; chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức tư vấn về du lịch và khách sạn; làm việc tại các viện Nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế du lịch, quản lý khách; làm giảng viên giảng dạy chuyên ngành du lịch và khách sạn tại các cơ sở đào tạo. |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Quản lý Tài nguyên và Môi trường (MS:7850101)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Đại học Quy Nhơn. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | \* **Kiến thức:**  - SV có những kiến thức nền tảng về Toán - Tin học, Vật lí, Sinh học… tiếp thu tốt các kiến thức về địa lí tự nhiên (chuyên ngành Tài nguyên môi trường) và kỹ năng thực hành chuyên sâu về Địa lí tự nhiên.  - SV nắm chắc những tri thức cơ bản về lý luận và thực tiễn của khoa học Địa lí, những tri thức địa lí tự nhiên cơ bản và mối quan hệ với các hiện tượng, các quá trình tự nhiên; Các kiến thức cơ bản về tài nguyên thiên nhiên - môi trường; quản lí, sử dụng, bảo vệ hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Mối quan hệ giữa tự nhiên và con người, giữa tự nhiên và KTXH cho sự phát triển bền vững.  - SV nắm vững phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể trong học tập, nghiên cứu thuộc lĩnh vực đào tạo. SV còn được trang bị các kiến thức về khoa học xã hội, văn hoá, quản lý..., nhằm đạt tới khả năng thích hợp với công tác chuyên môn như khả năng hợp tác, thuyết phục, tư vấn và quản lí thuộc lĩnh vực được đào tạo; Tiếp cận được lí luận và thực hiện được các phương pháp nghiên cứu hiện đại về lĩnh vực Địa lí tự nhiên, Quản lí tài nguyên và Môi trường.  **\* Kỹ năng:**  - SV có được phương pháp và kĩ năng nghiên cứu làm việc chuyên ngành và liên ngành theo các mục tiêu nói trên; kỹ năng thiết yếu về nghiên cứu địa lí tự nhiên, tài nguyên môi trường; năng lực tham mưu, tư vấn quản lí và sử dụng hợp lí tài nguyên môi trường cho các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội.  - Nắm vững phương pháp nghiên cứu, quy trình công nghệ trong nghiên cứu Địa lí tự nhiên, tài nguyên, môi trường và trong lĩnh vực bản đồ, GIS - Viễn thám, quy trình lập quy hoạch dự án…  - Sử dụng thành thạo công cụ tin học và một số phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiện đại trong nghiên cứu chuyên ngành.  - Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học chuyên ngành hoặc tiếp tục học ở các trình độ cao hơn.  **\* Trình độ ngoại ngữ**: Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Bên cạnh các trung tâm văn hóa, TDTT của Nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động thu hút SV, Khoa có Câu lạc bộ Địa lí - Địa chính, Hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Đội Thanh niên xung kích… góp phần đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động phong trào của sinh viên.  - Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng dẫn sinh viên đi thực tập chuyên đề, khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp,….  - Khoa phối kết hợp với đơn vị khác trong và ngoài trường như: Sở KH-CN, Sở TN-MT, Trung tâm CNTT, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Định, Liên đoàn Địa chất V, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên, Hải đội II - Bộ đội biên phòng, các trung tâm, công ty đo đạc trên địa bàn tỉnh Bình Định…tổ chức các hoạt động hỗ trợ bổ ích cho học tập, sinh hoạt và rèn luyện kỹ năng mềm cho SV. |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | SV tốt nghiệp ra trường có đủ sức khỏe, năng lực chuyên môn và kỹ năng học tiếp bậc cao học và nghiên cứu sinh. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | - Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các trường đại học, cao đẳng, các viện, các trung tâm nghiên cứu hoặc các doanh nghiệp quốc doanh và tư nhân có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường.  - Sinh viên tốt nghiệp loại giỏi được giữ lại trường để đào tạo, bồi dưỡng làm CBGD và được đi học ở cấp cao hơn.  - Sinh viên còn có thể làm công tác nghiệp vụ phân tích, đánh giá hiện trạng tài nguyên thiên nhiên và môi trường, phân tích, tổng hợp, xây dựng dữ liệu về tài nguyên thiên nhiên và môi trường; đề xuất quy hoạch, quản lý hợp lí tài nguyên thiên nhiên và môi trường,…tại các Sở Tài nguyên - Môi trường, Phòng Tài nguyên - Môi trường thuộc các tỉnh, thành, huyện, xã hoặc công tác tại các cơ sở, công trình kinh tế kỹ thuật trọng điểm, các dự án, các trung tâm dịch vụ - tư vấn quản lý, sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và môi trường ở các địa phương trong cả nước,... |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Quản lý đất đai (MS: 7850103)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | Theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. | Theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường Đại học Quy Nhơn. |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | **1. Kiến thức**  - Nắm chắc những tri thức cơ bản về lý luận và thực tiễn của khoa học Địa chính, của hệ thống pháp luật và khoa học Quản lí đất đai trên nền tảng những kiến thức cơ sở có liên quan của khoa học Địa lí, khoa học Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám, Hệ thông tin địa lí, Hệ thông tin đất đai, Ngoại ngữ chuyên ngành. - Có kiến thức khoa học cơ bản, có kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ ở trình độ đại học.  - Có kiến thức khoa học cơ bản, có kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ ở trình độ đại học.  - Nắm vững về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể trong học tập, nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực đào tạo. Mặt khác, SV còn được trang bị các kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, văn hoá, quản lý..., nhằm đạt tới khả năng thích hợp với công tác chuyên môn như khả năng hợp tác, thuyết phục, tư vấn, quản lí...  - Sau khi học xong chương trình, người học có được năng lực cần thiết của một cán bộ Địa chính và quản lí đất đai, đáp ứng được yêu cầu đổi mới và hiện đại hoá của ngành trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay..  **2. Kỹ năng**  - Người học có được những kỹ năng thiết yếu về quản lí đất đai và công nghệ địa chính. Hình thành và phát triển ở sinh viên năng lực tham mưu, tư vấn quản lí đất đai và công tác địa chính cho các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội.  - Trên cơ sở kiến thức được trang bị ở trình độ đại học, sinh viên có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học chuyên ngành hoặc tiếp tục học ở các trình độ cao hơn.  **3. Trình độ ngoại ngữ:** Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | **1. Kiến thức**  - Nắm chắc những tri thức cơ bản về lý luận và thực tiễn của khoa học Địa chính, của hệ thống pháp luật và khoa học Quản lí đất đai trên nền tảng những kiến thức cơ sở có liên quan của khoa học Địa lí, khoa học Trắc địa - Bản đồ - Viễn thám, Hệ thông tin địa lí, Hệ thông tin đất đai, Ngoại ngữ chuyên ngành. - Có kiến thức khoa học cơ bản, có kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ ở trình độ đại học.  - Có kiến thức khoa học cơ bản, có kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ ở trình độ đại học.  - Nắm vững về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể trong học tập, nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực đào tạo. Mặt khác, SV còn được trang bị các kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, văn hoá, quản lý..., nhằm đạt tới khả năng thích hợp với công tác chuyên môn như khả năng hợp tác, thuyết phục, tư vấn, quản lí...  - Sau khi học xong chương trình, người học có được năng lực cần thiết của một cán bộ Địa chính và quản lí đất đai, đáp ứng được yêu cầu đổi mới và hiện đại hoá của ngành trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay..  **2. Kỹ năng**  - Người học có được những kỹ năng thiết yếu về quản lí đất đai và công nghệ địa chính. Hình thành và phát triển ở sinh viên năng lực tham mưu, tư vấn quản lí đất đai và công tác địa chính cho các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức kinh tế - xã hội.  - Trên cơ sở kiến thức được trang bị ở trình độ đại học, sinh viên có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học chuyên ngành hoặc tiếp tục học ở các trình độ cao hơn.  **3. Trình độ ngoại ngữ:** Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Bên cạnh các trung tâm văn hóa, TDTT của Nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động thu hút SV, Khoa có Câu lạc bộ Địa lí - Địa chính, Hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Đội Thanh niên xung kích… góp phần đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động phong trào của sinh viên.  - Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng dẫn sinh viên đi thực tập chuyên đề, khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp,….  - Ngoài ra, Khoa còn phối kết hợp với đơn vị khác trong và ngoài trường (Sở KH-CN, Sở TN-MT, Trung tâm CNTT, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Định, Liên đoàn Địa chất V, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên, Hải đội II - Bộ đội biên phòng, các trung tâm, công ty đo đạc trên địa bàn tỉnh Bình Định) tổ chức các hoạt động hỗ trợ bổ ích cho học tập, sinh hoạt và rèn luyện kỹ năng mềm cho SV. | - Bên cạnh các trung tâm văn hóa, TDTT của Nhà trường thường xuyên tổ chức hoạt động thu hút SV, Khoa có Câu lạc bộ Địa lí - Địa chính, Hội Sinh viên, Đoàn Thanh niên, Đội Thanh niên xung kích… góp phần đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động phong trào của sinh viên.  - Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng dẫn sinh viên đi thực tập chuyên đề, khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp,….  - Ngoài ra, Khoa còn phối kết hợp với đơn vị khác trong và ngoài trường (Sở KH-CN, Sở TN-MT, Trung tâm CNTT, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Định, Liên đoàn Địa chất V, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên, Hải đội II - Bộ đội biên phòng, các trung tâm, công ty đo đạc trên địa bàn tỉnh Bình Định) tổ chức các hoạt động hỗ trợ bổ ích cho học tập, sinh hoạt và rèn luyện kỹ năng mềm cho SV. |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | Sau khi tốt nghiệp, SV có thể học lên bậc cao học và làm nghiên cứu sinh theo định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu | Sau khi tốt nghiệp, SV có thể học lên bậc cao học và làm nghiên cứu sinh theo hướng ứng dụng hoặc định hướng nghiên cứu |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể công tác chuyên viên tại: UBND xã, phường, thị trấn; Phòng Tài nguyên và Môi trường các quận, huyện; Chi cục quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký đất đai/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Trung tâm kỹ thuật dịch vụ Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Phát triển quỹ đất; các đơn vị tư vấn trong lĩnh vực chuyên ngành Trắc địa, Quản lý đất đai và môi trường. | Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể công tác chuyên viên tại: UBND xã, phường, thị trấn; Phòng Tài nguyên và Môi trường các quận, huyện; Chi cục quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng đăng ký đất đai/ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Trung tâm kỹ thuật dịch vụ Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Phát triển quỹ đất; các đơn vị tư vấn trong lĩnh vực chuyên ngành Trắc địa, Quản lý đất đai và môi trường. |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Văn học Việt Nam (MS:8220121)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành Văn học Việt Nam |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | - Mục tiêu kiến thức:  + Người học được trang bị những kiến thức về Triết học, Lý luận văn học, văn họcViệt Nam…ở bậc cao, chuyên sâu.  + Học viên nắm vững các phương pháp tiếp cận, các kỹ năng thực hành trên cơ sở tiếp nhận các lý luận cơ bản nhằm rèn luyện nghiệp vụ nghiên cứu khoa học để học viên có khả năng thích nghi với với công việc có liên quan đến các nghiệp vụ trong thực tiễn.  + Có khả năng độc lập thực hiện 01 đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực văn học Việt Nam.  - Kĩ năng:  + Kĩ năng mềm: Người học ngành Văn học Việt Nam có kĩ năng tốt trong giao tiếp, thuyết trình, tham gia các hoạt động văn hóa-xã hội…  + Kĩ năng chuyên môn: Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể thực hiện tốt các nghiệp vụ văn học trong nhiều địa hạt, tạo cơ sở chuyên môn để học viên có thể học tiếp chương trình Tiến sĩ.  - Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp sinh viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | - Các hoạt động như viết bài tham gia Hội nghị khoa học, hội thảo, đăng báo, tạp chí…  - Tăng cường các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, nghiên cứu về văn học, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, …  - Hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng đảm bảo phục tốt cho quá trình dạy học, nghiên cứu chuyên ngành.  - Hệ thống máy chiếu, âm thanh phục vụ đào tạo  - Thư viện nhà trường và thư viện của khoa có đủ sách tham khảo, báo, tạp chí chuyên ngành, giáo trình, luận án, luận văn, khóa luận và các tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập chuyên ngành. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | - Chương trình đào tạo thạc sĩ, ngành Văn học Việt Nam theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | - Nghiên cứu văn học Việt Nam, giảng dạy văn học ở các trường trung học, cao đẳng, đại học, các trường nghiệp vụ văn hoá-nghệ thuật, biên tập và xuất bản, báo chí và truyền thông…  - Có khả năng tiếp cận các lý thuyết nghiên cứu mới và bước đầu độc lập công bố các công trình nghiên cứu |  |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  | - Giáo viên Ngữ văn bậc THPT, chuyên viên nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn  - Biên tập viên các nhà xuất bản, Đài phát thanh - truyền hình, các tạp chí, toà soạn các báo của trung ương và địa phương  - Chuyên viên văn phòng các sở ban ngành trong khối hành chính sự nghiệp |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Lịch sử Việt nam (MS:8229013)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và Quy định của Trường Đại học Quy Nhơn |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | ***-Kiến thức***  + Người học được củng cố và nâng cao những kiến thức đã học ở trình độ đại học về Lịch sử; trong đó chú trọng những kiến thức lịch sử đương đại.  + Tăng cường kiến thức chuyên sâu về một số lĩnh vực chủ yếu trong tiến trình lịch sử dân tộc, cũng như kiến thức liên ngành về những vấn đề liên quan đến Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đặc biệt, tìm hiểu và cập nhật những vấn đề cơ bản của lịch sử dân tộc đã, đang đặt ra đối với giới sử học nước ta hiện nay.  ***-Kỹ năng***  + Rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu, nhất là những vấn đề Lịch sử Việt Nam xảy ra trên địa bàn mà học viên đang sinh sống, công tác. Qua đó, bồi dưỡng cho học viên khả năng nghiên cứu độc lập, làm chủ về lĩnh vực kiến thức chuyên môn mà mình đã lựa chọn.  + Có trình độ B tin học và thông hiểu Tin học văn phòng, biết khai thác tư liệu nghiên cứu lịch sử trên mạng Internet và biết sử dụng tốt các phần mềm để soạn bài giảng lịch sử hoặc để biên soạn, thuyết trình các vấn đề khoa học lịch sử.  ***-Trình độ ngoại ngữ***  Đạt chứng chỉ Tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung châu Âu). |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | - Tổ chức các buổi xêmina, báo cáo chuyên đề khoa học; trao đổi, thảo luận, bảo vệ đề cương luận văn, Hội thảo khoa học...  - Tổ chức các buổi tiếp xúc, giao lưu khoa học với các nhà khoa học có chuyên môn liên quan đến chuyên ngành đào tạo. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học Tiến sĩ ở trong và ngoài nước |  |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  | - Tham gia nghiên cứu và giảng dạy phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, địa phương.  - Có thể tham gia nghiên cứu tại các viện, trung tâm; các cơ quan đoàn thể xã hội liên quan đến kiến thức lịch sử. |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Ngôn ngữ học (MS:8229020)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành Ngôn ngữ học |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | - Mục tiêu kiến thức:  + Người học được trang bị những kiến thức ngôn ngữ học cơ sở ở bậc cao, kiến thức ngôn ngữ học chuyên sâu và các phương pháp xử lý ngôn ngữ học.  + Trang bị các kỹ năng thực hành trên cơ sở tiếp nhận các lý luận cơ bản nhằm rèn luyện nghiệp vụ nghiên cứu khoa học để học viên có khả năng thích nghi với với công việc có liên quan đến các nghiệp vụ ngôn ngữ học trong thực tiễn.  - Kĩ năng:  + Kĩ năng mềm: Người học ngành Ngôn ngữ học có kĩ năng tốt trong giao tiếp, thuyết trình, tham gia các hoạt động văn hóa-xã hội…  + Kĩ năng chuyên môn: Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể thực hiện tốt các nghiệp vụ ngôn ngữ học trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu, tạo cơ sở chuyên môn để học viên có thể học tiếp chương trình Tiến sĩ.  - Trình độ ngoại ngữ: Khi tốt nghiệp học viên phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | - Các hoạt động như viết bài tham gia Hội nghị khoa học, hội thảo, đăng báo, tạp chí…  - Tăng cường các hoạt động nghiên cứu giao lưu, trao đổi học thuật, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, …  - Hệ thống giảng đường, phòng học, phòng đa chức năng đảm bảo phục tốt cho quá trình dạy học, nghiên cứu chuyên ngành.  - Hệ thống máy chiếu, âm thanh phục vụ đào tạo.  - Thư viện nhà trường và thư viện của khoa có đủ sách tham khảo, báo, tạp chí chuyên ngành, giáo trình, luận án, luận văn, khóa luận và các tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập chuyên ngành. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | - Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Ngôn ngữ học theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Nghiên cứu Ngôn ngữ học, Việt ngữ học, ngoại ngữ và ngôn ngữ các dân tộc Việt Nam, ngôn ngữ khu vực, dịch thuật, dạy tiếng, giảng dạy văn học, ngôn ngữ học và tiếng Việt ở các trường trung học, cao đẳng, đại học, các trường nghiệp vụ văn hoá-nghệ thuật, biên tập và xuất bản, báo chí và truyền thông… |  |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  | - Giáo viên Ngữ văn bậc THPT, chuyên viên nghiên cứu tại các Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn  - Biên tập viên các nhà xuất bản, Đài phát thanh - truyền hình, các tạp chí, toà soạn các báo của trung ương và địa phương  - Chuyên viên văn phòng các sở ban ngành trong khối hành chính sự nghiệp |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Sinh học thực nghiệm (MS: 8420114)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Người đã tốt nghiệp đại học chính quy và không chính quy chuyên ngành Sinh học, nông nghiệp và các chuyên ngành gần liên quan đến sinh học. |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | - Kiến thức: Có kiến thức chuyên sâu về sinh học, nông nghiệp, môi trường; Nâng cao kỹ năng thực hành và nghiên cứu khoa học; Hoàn thiện kỹ năng xây dựng đề án và viết báo cáo khoa học.  - Thái độ: Người học biết yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, đạo đức tốt và có tác phong mẫu mực trong công tác thuộc các lĩnh vực có liên quan đến Nông – Lâm – Ngư nghiệp.  - Trình độ ngoại ngữ: Đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định của trường (tiếng anh B1) |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | - Học viên được tạo điều kiện đầy đủ về cơ sở vật chất và chế độ, chính sách phục vụ cho việc học tập.  - Nhận được sự giúp đỡ tận tình của cán bộ giảng dạy để khai thác các nguồn tài liệu quý. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Sinh học thực nghiệm hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể học lên trình độ tiến sĩ trong các lĩnh vực liên quan đến sinh học. |  |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  | Làm việc trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, THPT và các cơ quan, ban ngành có liên quan đến sinh học, nông nghiệp. |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Vật lý chất rắn (MS: 8440104)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | - Theo Quy chế Tuyển sinh trình độ thạc sĩ (Ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 5508/QĐ-ĐHQN, ngày 12/11/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ). |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | **\* Mục tiêu:**  Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Vật lý chất rắn nhằm giúp cho các học viên nắm vững kiến thức cơ sở và chuyên ngành nâng cao về Vật lý chất rắn, có phương pháp tư duy hệ thống, phương pháp tư duy sáng tạo, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập, nâng cao trình độ giảng dạy ở bậc phổ thông, cao đẳng và đại học, đồng thời có thể tiếp tục học lên bậc Tiến sĩ.  **\* Kiến thức:**  Người học sẽ được trang bị:  - Các kiến thức cơ sở nâng cao; các kiến thức chuyên môn sâu trong các lĩnh vực: Bán dẫn, từ học, cảm biến, khoa học vật liệu và công nghệ nano.  - Nâng cao trình độ giảng dạy ở bậc phổ thông, cao đẳng và đại học.  - Nâng cao kỹ năng thực hành, đặc biệt là khả năng nghiên cứu về khoa học công nghệ.  **\* Kỹ năng:**  Chương trình nhằm giúp người học có được:  - Kỹ năng sử dụng một số phương pháp, công nghệ cơ bản, hiện đại để tiến hành các công việc chuyên môn về Vật lý;  - Kỹ năng tự học và học tập suốt đời;  - Khả năng tư duy sáng tạo, cách tiếp cận khoa học để giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành học;  - Kỹ năng tìm kiếm và tự tạo việc làm.  **\* Thái độ:**  - Chuyên cần, nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chuyên môn của giảng viên.  - Có ý thức trách nhiệm, ý thức tập thể, tôn trọng pháp luật.  Có phương pháp học tập khoa học, có thói quen học tập theo nhóm; biết giải quyết các tình huống theo hướng tích cực; biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo trong nghề nghiệp.  **\* Trình độ ngoại ngữ:**  - Khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 (bậc B1) trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được quy định tại Thông tư số 01/2014/TT – BGDĐT ngày 24/01/2014. |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | **-** Người học được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các văn bản hướng dẫn của nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của học viên.  - Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu.  - Có đầy đủ phòng học với trang thiết bị đáp ứng yêu cầu dạy học.  - Được tạo điều kiện tham gia các hội thảo khoa học để tăng cường kiến thức, trao đổi kinh nghiệm học thuật. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Vật lý chất rắn hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | - Có khả năng tự tìm hướng và đề tài nghiên cứu, khả năng độc lập nghiên cứu và hợp tác nghiên cứu khoa học, hoặc tiếp tục học lên bậc Tiến sĩ. |  |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  | - Có khả năng làm việc trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật tiên tiến.  - Có thể làm nghiên cứu và ứng dụng lĩnh vực khoa học tiên tiến tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, trở thành các nhà khoa học hoặc làm việc tại các ngành công nghiệp công nghệ cao. |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Hóa vô cơ** **(MS: 8440113)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | - Tuyển sinh trên toàn quốc;  - Người dự thi tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, phù hợp hoặc ngành gần với chuyên ngành Hóa vô cơ. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Hóa vô cơ phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.  - Đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;  - Theo Quy định đào tạo của Trường. |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | - Có kiến thức chung về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức chuyên sâu về hóa học và chuyên ngành Hóa vô cơ;  - Có kỹ năng thực hành, thực nghiệm;  - Có kỹ năng tiến hành các nghiên cứu khoa học, cập nhật các thông tin, kiến thức về khoa học Hóa học nói chung và chuyên ngành Hóa vô cơ nói riêng;  - Có chí hướng, đủ trình độ để theo đuổi bậc học Tiến sĩ;  - Có đủ khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học, phục vụ công việc sau khi tốt nghiệp;  - Có khả năng phối hợp nghiên cứu khoa học với các nhà khoa học ở trong nước và ngoài nước, tham gia vào các đề tài, chương trình nghiên cứu các cấp;  - Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày, đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành và đời sống có liên quan, đạt chuẩn tiếng Anh B1. |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về học tập, sinh hoạt, các chủ trương chính sách của Nhà nước và nhà trường;  - Được tham gia sinh hoạt seminar chuyên môn, hội thảo khoa học;  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường;  - Được tham gia các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao do Trường, Khoa tổ chức. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Hóa vô cơ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học Tiến sĩ ở trong và ngoài nước. |  |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  | - Có kiến thức chuyên môn sâu và nghiệp vụ để giảng dạy ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học;  - Có khả năng làm nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, các phòng thí nghiệm liên quan đến hóa học;  - Có đủ khả năng để làm việc các xí nghiệp, cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, công ty, tập đoàn,... về lĩnh vực hóa học. |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Hóa lí thuyết và hóa lí** **(MS:** **8440119, 9440119**)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | - Tuyển sinh trên toàn quốc;  - Đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;  - Theo Quy định đào tạo tiến sĩ của Trường. | - Tuyển sinh trên toàn quốc;  - Người dự thi tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, phù hợp hoặc ngành gần với chuyên ngành Hóa lí thuyết và hóa lí. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Hóa lí thuyết và hóa lí phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.  - Đáp ứng đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;  - Theo Quy định đào tạo của Trường. |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | - Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về ngành hóa học nói chung, chuyên ngành Hóa lí thuyết và hóa lí nói riêng;  - Có các kỹ năng đặt vấn đề, phân tích, tổng hợp; khả năng nghiên cứu độc lập, đề xuất và tổ chức thực hiện các vấn đề nghiên cứu; báo cáo tổng hợp và công bố kết quả nghiên cứu; xây dựng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ của hóa học nói chung và Hóa lí thuyết, Hóa lí nói riêng vào thực tế đời sống;  - Có đủ trình độ để hướng dẫn sinh viên, học viên cao học;  - Có khả năng phối hợp nghiên cứu khoa học với các nhà khoa học ở trong nước và ngoài nước, tham gia vào các đề tài, chương trình nghiên cứu các cấp;  - Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, trao đổi khoa học, đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. | - Có kiến thức chung về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức chuyên sâu về hóa học và chuyên ngành Hóa lí thuyết và hóa lí;  - Có kỹ năng thực hành, thực nghiệm;  - Có kỹ năng tiến hành các nghiên cứu khoa học, cập nhật các thông tin, kiến thức về khoa học Hóa học nói chung và chuyên ngành Hóa lí thuyết và hóa lí nói riêng;  - Có chí hướng, đủ trình độ để theo đuổi bậc học Tiến sĩ;  - Có đủ khả năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ nghiên cứu khoa học, phục vụ công việc sau khi tốt nghiệp;  - Có khả năng phối hợp nghiên cứu khoa học với các nhà khoa học ở trong nước và ngoài nước, tham gia vào các đề tài, chương trình nghiên cứu các cấp;  - Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày, đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành và đời sống có liên quan, đạt chuẩn tiếng Anh B1. |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về học tập, sinh hoạt, các chủ trương chính sách của Nhà nước và nhà trường;  - Được tham gia sinh hoạt seminar chuyên môn, hội thảo khoa học;  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường;  - Được tham gia các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao do Trường, Khoa tổ chức. | - Được nhà trường cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về học tập, sinh hoạt, các chủ trương chính sách của Nhà nước và nhà trường;  - Được tham gia sinh hoạt seminar chuyên môn, hội thảo khoa học;  - Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường;  - Được tham gia các hoạt động về văn nghệ, thể dục thể thao do Trường, Khoa tổ chức. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Hóa lí thuyết và hóa lí hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Hóa lí thuyết và hóa lí hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Có khả năng độc lập phát hiện vấn đề nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong thực tiễn liên quan đến ngành học. | Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ trình độ để học tiếp bậc học Tiến sĩ ở trong và ngoài nước. |  |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp | - Giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng, học viện;  - Nghiên cứu viên tại các viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở sản xuất, phòng thí nghiệm; quản lí chuyên môn tại các cơ sở giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ… về lĩnh vực hóa học nói chung, Hóa lí thuyết và hóa lí nói riêng. | - Có kiến thức chuyên môn sâu và nghiệp vụ để giảng dạy ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học;  - Có khả năng làm nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, các phòng thí nghiệm liên quan đến hóa học;  - Có đủ khả năng để làm việc các xí nghiệp, cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, công ty, tập đoàn,... về lĩnh vực hóa học. |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Toán Giải tích (MS: 8460102, 9460102)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | -*Kiến thức*: Chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng nâng cao cho nghiên cứu sinh những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về ngành Toán học nói chung, và chuyên ngành Toán Giải tích nói riêng, kiến thức chuyên sâu và các hướng phát triển của chuyên ngành.  -*Kỹ năng*: Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh các kỹ năng:  🢬 Kỹ năng vận dụng những kiến thức của chuyên ngành trong thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục và đào tạo;  🢬 Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo công tác đào tạo chuyên ngành Toán Giải tích tại các cơ sở giáo dục và đào tạo;  🢬 Có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, hướng dẫn nghiên cứu khoa học của chuyên ngành.  -*Trình độ ngoại ngữ***:** Khi tốt nghiệp, nghiên cứu sinh đạt trình độ tiếng Anh bậc 4 /6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). | -*Kiến thức*: Đào tạo thạc sĩ toán học có phẩm chất chính trị đạo đức và sức khỏe tốt. Nắm vững một số tri thức nâng cao, chuyên sâu về toán cơ bản và phương pháp toán ở trường trung học phổ thông. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể bước đầu tập dượt nghiên cứu khoa học.  -*Kỹ năng*: Trang bị cho người học bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.  -*Trình độ ngoại ngữ***:** Khi tốt nghiệp, học viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 /6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | - Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ cho nghiên cứu sinh.  -Thành lập đội ngũ cố vấn học tập.  -Tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn.  - Có chính sách hỗ trợ học bổng từ Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020 | - Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ cho học viên.  - Thành lập đội ngũ cố vấn học tập.  - Tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn.  - Nhà trường có liên kết đào tạo với hình thức với học trực tuyến một số môn học ở năm đầu tiên, sau đó tuyển chọn học tiếp một năm và nhận bằng Thạc sĩ dưới sự hướng dẫn của các giáo sư tại các ĐH Limoges và ĐH Aix-Marseille (Pháp).  - Có chính sách hỗ trợ học bổng từ Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020 |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Toán Giải tích hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Toán Giải tích hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Nghiên cứu sinh sau khi bảo vệ luận án có đủ khả năng hợp tác với nghiên cứu với các nhóm nghiên cứ, và nhận tiếp các học bổng nghiên cứu sau tiến sĩ ở trong và ngoài nước. | Học viên sau khi tốt nghiệp, nếucó đủ điều kiện có thể đào tạo tiếp ở trình độ tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. |  |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp | Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, Tiến sĩ chuyên ngành có thể đảm nhiệm tốt các công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lí chuyên môn tại các cơ sở đào tạo, các cơ quan quản lí giáo dục, các tổ chức xã hội khác; tham gia thiết kế, triển khai và quản lí các dự án giáo dục thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo. | - Học viên sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy tại các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, các trường đại học, cao đẳng hoặc làm việc tại các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý, các cơ sở sản xuất và kinh doanh có sử dụng kiến thức của toán học.   * Sinh viên cũng có thể học thêm các khóa đào tạo ngắn hạn về Công nghệ thông tin để có thể làm việc tại các công ty phần mềm và các doanh nghiệp. |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Đại số và Lý thuyết số (MS: 8460104, 9460104)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | -*Kiến thức*: Chương trình đào tạo nhằm bồi dưỡng nâng cao cho nghiên cứu sinh những kiến thức chuyên sâu, hiện đại về ngành Toán học nói chung, và chuyên ngành Toán Giải tích nói riêng, kiến thức chuyên sâu và các hướng phát triển của chuyên ngành.  -*Kỹ năng*: Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho nghiên cứu sinh các kỹ năng:  🢬 Kỹ năng vận dụng những kiến thức của chuyên ngành trong thực tiễn giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục và đào tạo;  🢬 Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo công tác đào tạo chuyên ngành Toán Giải tích tại các cơ sở giáo dục và đào tạo;  🢬 Có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, hướng dẫn nghiên cứu khoa học của chuyên ngành.  -*Trình độ ngoại ngữ***:** Khi tốt nghiệp, nghiên cứu sinh đạt trình độ tiếng Anh bậc 4 /6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). | -*Kiến thức*: Đào tạo thạc sĩ toán học có phẩm chất chính trị đạo đức và sức khỏe tốt. Nắm vững một số tri thức nâng cao, chuyên sâu về toán cơ bản và phương pháp toán ở trường trung học phổ thông. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể bước đầu tập dượt nghiên cứu khoa học.  -*Kỹ năng*: Trang bị cho người học bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.  -*Trình độ ngoại ngữ***:** Khi tốt nghiệp, học viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | - Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet và hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ cho nghiên cứu sinh.  -Thành lập đội ngũ cố vấn học tập.  -Tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn.  - Có chính sách hỗ trợ học bổng từ Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020 | - Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ cho học viên.  -Thành lập đội ngũ cố vấn học tập.  -Tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn.  - Nhà trường có liên kết đào tạo với hình thức với học trực tuyến một số môn học ở năm đầu tiên, sau đó tuyển chọn học tiếp một năm và nhận bằng Thạc sĩ dưới sự hướng dẫn của các giáo sư tại các ĐH Limoges và ĐH Aix-Marseille (Pháp).  - Có chính sách hỗ trợ học bổng từ Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Đại số và Lý thuyết số hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. | Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Đại số và Lý thuyết số hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường | Nghiên cứu sinh sau khi bảo vệ luận án có đủ khả năng hợp tác với nghiên cứu với các nhóm nghiên cứ, và nhận tiếp các học bổng nghiên cứu sau tiến sĩ ở trong và ngoài nước. | Học viên sau khi tốt nghiệp, nếucó đủ điều kiện có thể đào tạo tiếp ở trình độ tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. |  |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp | Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, Tiến sĩ chuyên ngành có thể đảm nhiệm tốt các công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lí chuyên môn tại các cơ sở đào tạo, các cơ quan quản lí giáo dục, các tổ chức xã hội khác; tham gia thiết kế, triển khai và quản lí các dự án giáo dục thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo. | Học viên sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy tại các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, các trường đại học, cao đẳng hoặc làm việc tại các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý, các cơ sở sản xuất và kinh doanh có sử dụng kiến thức của toán học.   * Học viên cũng có thể học thêm các khóa đào tạo ngắn hạn về Công nghệ thông tin để có thể làm việc tại các công ty phần mềm và các doanh nghiệp. |  |  |  |

1. Chuyên ngành đào tạo: **Phương pháp Toán sơ cấp (MS: 8460113)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trình độ đào tạo** | | | | |
| **Tiến sĩ** | **Thạc sĩ** | **Đại học** | | |
| **Chính quy** | **Liên thông chính quy** | **Văn bằng 2 chính quy** |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | - *Kiến thức*: Đào tạo thạc sĩ toán học có phẩm chất chính trị đạo đức và sức khỏe tốt. Nắm vững một số tri thức nâng cao, chuyên sâu về toán cơ bản và phương pháp toán ở trường trung học phổ thông. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể bước đầu tập dượt nghiên cứu khoa học.  -*Kỹ năng*: Trang bị cho người học bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.  -*Trình độ ngoại ngữ***:** Khi tốt nghiệp, học viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 /6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR). |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | -Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tập bài giảng, tài liệu học tập, thư viện điện tử, hệ thống internet, hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ cho học tập và nghiên cứu. Có các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ cho học viên.  -Thành lập đội ngũ cố vấn học tập.  -Tổ chức các hoạt động thực tế chuyên môn.  - Nhà trường có liên kết đào tạo với hình thức với học trực tuyến một số môn học ở năm đầu tiên, sau đó tuyển chọn học tiếp một năm và nhận bằng Thạc sĩ dưới sự hướng dẫn của các giáo sư tại các ĐH Limoges và ĐH Aix-Marseille (Pháp).  - Có chính sách hỗ trợ học bổng từ Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Phương pháp Toán sơ cấp hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Học viên sau khi tốt nghiệp, nếucó đủ điều kiện có thể đào tạo tiếp ở trình độ tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước |  |  |  |
| VI | Vị trí làm sau khi tốt nghiệp |  | - Học viên sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy tại các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, các trường đại học, cao đẳng hoặc làm việc tại các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý, các cơ sở sản xuất và kinh doanh có sử dụng kiến thức của toán học.   * Học viên cũng có thể học thêm các khóa đào tạo ngắn hạn về Công nghệ thông tin để có thể làm việc tại các công ty phần mềm và các doanh nghiệp. |  |  |  |

53. Chuyên ngành đào tạo: **Khoa học máy tính** (**MS:** **8480101**)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Tuyển sinh trong cả nước, theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.  Người dự tuyển phải có bằng tốt nghiệp đại học:  - Đã tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành Khoa học máy tính(KHMT); Những ngành phù hợp gồm: CNTT, Hệ thống thông tin, Mạng và Truyền thông, Kỹ thuật mãy tính, Sư phạm Tin học, Tin học ứng dụng.  - Người có bằng tốt nghiệp ngành gần với chuyên ngành Khoa học máy tính phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi. Nội dung kiến thức học bổ sung cho từng đối tượng dự thi do Hiệu trưởng quyết định. Những ngành gần với ngành KHMT: Toán-Tin, Điện tử-Tin học, Điện tử-Viễn thông. |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | **- Kiến thức:**  + Có kiến thức nâng cao về tư duy thuật toán, lập trình cho máy tính, quản lý dữ liệu và mạng máy tính.  + Có kiến thức về tổ chức và quản lý dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý.  + Có kiến thức về các hướng nghiên cứu chuyên sâu của CNTT và ứng dụng.  **- Kỹ năng:**  + Kỹ năng tổ chức và quản lý hệ thống thông tin.  + Kỹ năng về tổ chức và quản lý mạng máy tính.  + Kỹ năng về làm việc nhóm.  **- Thái độ:**  Chuyên cần, nghiêm túc trong học tập, rèn luyện và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chuyên môn của giảng viên.  Có ý thức trách nhiệm, ý thức tập thể, tôn trọng pháp luật.  Có phương pháp học tập khoa học, có thói quen học tập theo nhóm; biết giải quyết các tình huống theo hướng tích cực; biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo trong nghề nghiệp.  **- Trình độ ngoại ngữ:** ậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam. |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | Có đầy đủ phòng học với trang thiết bị dạy học như máy chiếu, âm thanh.  Thư viện có đầy đủ sách tham khảo cho chuyên ngành CNTT.  Có 10 phòng máy tính với hơn 450 máy tính phục vụ cho thực hành.  Số lượng giảng viên: 31 (Trong đó: TS: 08, NCS: 05, ThS: 18).  Khoa định kỳ tổ chức các xêmina về chuyên môn để các cán bộ và học viên cao học trao đổi chuyên môn. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Khoa học máy tính hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | Có khả năng tiếp tục học Tiến sĩ ngành Khoa học máy tính |  |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  | - Quản lý CNTT tại các cơ quan, tổ chức hay doanh nghiệp. Với các vị trí như quản trị mạng, tổ chức và quản trị hệ thống thông tin.  - Các công ty chuyên về phần mềm, về hệ thống máy tính và các giải pháp về CNTT.  - Giảng dạy ở các trường đại học, cao đẳng hay trung cấp chuyên nghiệp.  - Các viện nghiên cứu chuyên về CNTT và Truyền thông. |  |  |  |

54. Chuyên ngành đào tạo: **Kỹ thuật viễn thông** **(MS: 8520208)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Văn bằng 2 chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  | Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ GD-ĐT (Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn (Ban hành kèm theo Quyết định số 5508/QĐ-ĐHQN, ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn). |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  | - Về kiến thức: Trang bị cho học viên những kiến thức mở rộng và chuyên sâu thuộc chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông như các lĩnh vực: thông tin số, thông tin di động, thông tin quang, mạng thế hệ mới, mã hóa thông tin, kỹ thuật định vị và dẫn đường, phát thanh và truyền hình số, truyền số liệu và các lĩnh vực liên quan khác.  - Về kĩ năng: Học viên biết phân tích và tổng hợp các vấn đề trong lĩnh vực Kỹ thuật viễn thông; xây dựng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ của Kỹ thuật nói chung và Kỹ thuật viễn thông nói riêng vào thực tế đời sống; có khả năng độc lập nghiên cứu và truyền đạt kiến thức.  - Về thái độ: Có thái độ làm việc cẩn trọng, nghiêm túc, trách nhiệm; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe và lối sống lành mạnh. Thể hiện là người tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước những kết luận chuyên môn đưa ra.  - Trình độ ngoại ngữ: sau khi tốt nghiệp sinh viên đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 the Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR) |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  | - Tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề.  - Hỗ trợ tham gia các hội nghị khoa học trong nước, quốc tế. |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  | Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật viễn thông hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  | - Học viên sau khi tốt nghiệp có năng lực để có thể tiếp tục làm nghiên cứu sinh, và có khả năng học tập suốt đời. |  |  |  |
| VI | Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp |  | - Làm việc tại:  + Các cơ quan quản lý nhà nước các cấp về thông tin – truyền thông, khoa học – công nghệ;  - Các Tập đoàn, Tổng công ty về lĩnh vực viễn thông: VNPT, VIETTEL, MOBIFONE, FPT Telecom, VTC, Tổng công ty Hàng không Việt Nam,… và các công ty, đơn vị thành viên: Công ty Điện toán và truyền số liệu, Công ty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế;  - Đài truyền hình, đài phát thanh, từ Trung ương đến địa phương; các công ty Truyền hình cáp;  - Các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin như: FPT Software, TMA Solutions.  - Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, cung cấp thiết bị điện tử, máy tính, viễn thông;  - Làm công tác giảng dạy ở các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở giáo dục, đào tạo. |  |  |  |

*Bình Định, ngày 10 tháng 10 năm 2018*

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền**